

tạo cho chúng các đặc tính chống trơn trượt.

57.05 - Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện.

Nhóm này bao gồm thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, **trừ** các sản phẩm được bao hàm bởi một nhóm cụ thể hơn của Chương này.

Nhóm này bao gồm:

(1) Các loại thảm nổi vòng liên kết, ở đó các bề mặt nổi vòng được liên kết hoặc với một chất nền hoặc trực tiếp với một chất kết dính mà chất kết dính này hình thành chất nền. Liên kết này được tạo ra bằng kết dính hoặc bằng nhiệt hoặc bằng sự kết hợp của cả hai hoặc bằng hàn siêu âm. Các vòng có thể được liên kết hoặc với một bề mặt nền đơn hoặc ở giữa hai bề mặt nền, trong trường hợp thứ hai để phân chia thành hai tấm thảm.

(2) Các loại thảm hàng chất liệu không dệt, bao gồm một lớp sợi dệt đã chải thô được uốn giữa các cuộn có dạng khe tạo thành các vòng, nó có thể được đặt ra ở một vị trí nhất định bởi một tấm phủ dày bằng cao su, plastic,... có tác dụng như một tấm nền, hoặc được liên kết với một loại vải nền khác bằng chất kết dính tương tự.

(3) Các loại thảm làm bằng “cách nhồi” (“flocking”), ví dụ: bằng việc ghép các sợi dệt thẳng đứng trên một tấm nền bằng chất liệu dệt, được phủ bằng cao su, plastic...

(4) Các loại thảm dệt kim. Nhìn chung chúng có dạng bên ngoài như của vải nhưng dày hoặc đôi khi như các loại da thú.

Chương 58

Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt tạo búi; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu

Chú giải.

1.- Chương này không áp dụng cho các loại vải dệt nêu trong Chú giải 1 của Chương 59, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, hoặc những mặt hàng khác thuộc Chương 59.

2.- Nhóm 58.01 cũng bao gồm các loại vải dệt thoi có sợi ngang nổi vòng, chưa được cắt phần nổi, ở trạng thái này chúng không có vòng lông dựng.

3.- Theo mục đích của nhóm 58.03, vải “dệt quăn” (gauze) là loại vải có sợi dọc gồm toàn bộ hoặc một phần của sợi dựng hoặc sợi nền và sợi cuộn cả vòng hoặc nửa vòng đi bắt chéo qua sợi dựng hoặc sợi nền tạo thành nửa vòng, một vòng hoàn chỉnh hoặc nhiều hơn để tạo thành các vòng sợi cho sợi ngang đi qua.

4.- Nhóm 58.04 không áp dụng cho vải lưới thắt nút từ dây xe, chèo bện (cordage) hoặc thừng, thuộc nhóm 56.08.

5.- Theo mục đích của nhóm 58.06, khái niệm “vải dệt thoi khổ hẹp” là:

(a) Vải dệt thoi có khổ rộng không quá 30 cm, hoặc được dệt sẵn như thế hoặc được cắt từ những tấm

anti-slip properties.

57.05 - Other carpets and other textile floor coverings, whether or not made up.

This heading covers carpets and textile floor coverings, **other than** those covered by a more specific heading of this Chapter.

The heading includes :

(1) Bonded pile carpets, where the pile use surface is bonded either to a substrate or directly to an adhesive which forms the substrate. The bonding may be achieved by adhesion or heat or a combination of both or by ultrasonic welding. The pile can be bonded either to a single backing surface or between two backing surfaces, in the latter case for separation into two carpets.

(2) Nonwoven carpets, consisting of a layer of carded textile fibres crimped between grooved rollers to form loops, which may either be held in position by a thick coating of rubber, plastics, etc., which also serves as a backing, or be bonded to a backing fabric by similar adhesives.

(3) Carpets made by “flocking”, i.e., by implanting textile fibres upright in a textile backing, coated with rubber, plastics, etc.

(4) Knitted carpets and carpeting. These generally have the appearance of moquette or, sometimes, of furskins.

Chapter 58

Special woven fabrics; tufted textile fabrics; lace; tapestries; trimmings; embroidery

Notes.

1.- This Chapter does not apply to textile fabrics referred to in Note 1 to Chapter 59, impregnated, coated, covered or laminated, or to other goods of Chapter 59.

2.- Heading 58.01 also includes woven weft pile fabrics which have not yet had the floats cut, at which stage they have no pile standing up.

3.- For the purposes of heading 58.03, “gauze” means a fabric with a warp composed wholly or in part of standing or ground threads and crossing or doup threads which cross the standing or ground threads making a half turn, a complete turn or more to form loops through which weft threads pass.

4.- Heading 58.04 does not apply to knotted net fabrics of twine, cordage or rope, of heading 56.08.

5.- For the purposes of heading 58.06, the expression “narrow woven fabrics” means :

(a) Woven fabrics of a width not exceeding 30 cm, whether woven as such or cut from wider pieces,

rộng hơn, với điều kiện đã tạo biên ở hai mép (dệt thoi, gắn keo hoặc bằng cách khác);

(b) Vải dệt thoi dạng ống có chiều rộng khi trải phẳng không quá 30 cm; và

(c) Vải cắt xiên với các mép gấp, có chiều rộng khi chưa gấp mép không quá 30 cm.

Vải dệt thoi khổ hẹp có tua viền được phân loại vào nhóm 58.08.

6.- Trong nhóm 58.10, không kể những đề cập khác, khái niệm “hàng thêu” là hàng thêu bằng chỉ kim loại hoặc chỉ thủy tinh trên vải lộ nền, và hàng được khâu đính trang trí sequin, hạt hoặc các mẫu trang trí bằng vật liệu dệt hoặc vật liệu khác. Nhóm này không bao gồm loại thảm trang trí thêu tay (nhóm 58.05).

7.- Ngoài các sản phẩm của nhóm 58.09, Chương này cũng bao gồm các mặt hàng làm từ sợi kim loại và loại làm trang trí như các loại vải dùng cho nội thất hoặc dùng cho các mục đích tương tự.

TỔNG QUÁT

Trừ **nhóm 58.09**, Chương này bao gồm nhiều các sản phẩm dệt khác nhau mà sự phân loại các sản phẩm này không phụ thuộc vào các vật liệu dệt cấu thành của chúng. Một số trong những sản phẩm này chỉ nằm trong chương này nếu chúng không được làm hoàn chỉnh theo ý nghĩa của Phần (II) thuộc Chú giải tổng quát của Phần XI, nhưng những sản phẩm khác thì được phân loại ở đây dù có được làm hoàn chỉnh hay không.

Nên chú ý rằng, theo các Chú giải của Chương 59, vải dệt quần thuộc nhóm 58.03, vải dệt thoi khổ hẹp thuộc nhóm 58.06 và các dây tết, mảnh trang trí dạng chiếc thuộc nhóm 58.08, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp bị **loại trừ** khỏi Chương 58 (thường ở **Chương 39, 40** hoặc **59**), trái lại những sản phẩm khác thuộc Chương này đã được xử lý tương tự vẫn được phân loại ở đây, **với điều kiện** là chúng không mang đặc điểm của các sản phẩm thuộc Chương 39 hoặc 40.

58.01 - Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sonin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06 (+).

5801.10- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn
- Từ bông:

5801.21 - - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt

5801.22 - - Nhung kẻ đã cắt

5801.23 - - Vải có sợi ngang nổi vòng khác

5801.26 - - Các loại vải sonin (chenille)

5801.27 - - Vải có sợi dọc nổi vòng

- Từ xơ nhân tạo:

5801.31 - - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt

5801.32 - - Nhung kẻ đã cắt

5801.33 - - Vải có sợi ngang nổi vòng khác

provided with selvages (woven, gummed or otherwise made) on both edges;

(b) Tubular woven fabrics of a flattened width not exceeding 30 cm; and

(c) Bias binding with folded edges, of a width when unfolded not exceeding 30 cm.

Narrow woven fabrics with woven fringes are to be classified in heading 58.08.

6.- In heading 58.10, the expression “embroidery” means, inter alia, embroidery with metal or glass thread on a visible ground of textile fabric, and sewn applique work of sequins, beads or ornamental motifs of textile or other materials. The heading does not apply to needlework tapestry (heading 58.05).

7.- In addition to the products of heading 58.09, this Chapter also includes articles made of metal thread and of a kind used in apparel, as furnishing fabrics or for similar purposes.

GENERAL

Except for **heading 58.09**, this Chapter covers a wide variety of textile products whose classification at heading level is independent of their constituent textile materials. Some of these products fall in this Chapter only if they are not “made up” in the sense of Part (II) of the General Explanatory Note to Section XI, but others are included whether or not made up.

It should be noted that, subject to the Notes of Chapter 59, gauze of heading 58.03, narrow woven fabrics of heading 58.06 and braids and ornamental trimmings in the piece of heading 58.08, impregnated, coated, covered or laminated, are **excluded** from Chapter 58 (usually **Chapter 39, 40** or **59**), whereas the other articles of this Chapter which have undergone the same treatments remain classified here, **provided** they have not thereby assumed the character of products of Chapter 39 or 40.

58.01 - Woven pile fabrics and chenille fabrics, other than fabrics of heading 58.02 or 58.06 (+).

5801.10 - Of wool or fine animal hair
- Of cotton:

5801.21 - - Uncut weft pile fabrics

5801.22 - - Cut corduroy

5801.23 - - Other weft pile fabrics

5801.26 - - Chenille fabrics

5801.27 - - Warp pile fabrics

- Of man-made fibres :

5801.31 - - Uncut weft pile fabrics

5801.32 - - Cut corduroy

5801.33 - - Other weft pile fabrics

5801.36 - - Các loại vải sonin (chenille)

5801.37 - - Vải có sợi dọc nổi vòng

5801.90 - Từ các vật liệu dệt khác

(A) CÁC LOẠI VẢI DỆT NỔI VÒNG, TRỪ CÁC LOẠI VẢI THUỘC NHÓM 58.02

Các loại vải dệt nổi vòng được tạo thành từ ít nhất 3 loại sợi: sợi dọc và ngang kết hợp chặt chẽ tạo thành vải nền và sợi dọc hoặc sợi ngang tạo thành nổi vòng (pile). Loại nổi vòng này bao gồm hoặc chùm lông (tuft) hoặc những vòng (loop) trên toàn bộ hoặc từng phần của bề mặt; thông thường, loại nổi vòng này (pile) chỉ có ở một mặt, nhưng đôi khi nó có cả hai mặt.

Vải có sợi dọc nổi vòng (vải nhung, vải lông, vải nhung dày dùng để bọc ghế...) có thể được sản xuất bằng cách cào dựng nổi vòng các sợi nhưng dọc trên các dây đã lồng vào theo chiều của sợi ngang. Vì thế những vòng (loop) bị cắt trong quá trình dệt hoặc bị cắt sau đó, hoặc thỉnh thoảng không cắt các loại vải nổi vòng đã được móc lại hoặc các vải nổi vòng chưa cắt. Các vòng hoặc nhung tuyết đã cắt được cố định lại ở một chỗ bằng các sợi ngang.

Vải có sợi dọc nổi vòng cũng được sản xuất bằng việc dệt hai thứ vải đối diện nhau với một sợi dọc vòng chung; sau đó hai thứ vải được tách ra bằng việc cắt thành hai sản phẩm vải có vòng lông (pile) đã được cắt.

Vải có sợi ngang nổi vòng đã cắt (vải nhung, nhung kẻ...) có một lớp nhung (pile) thường được sản xuất bằng cách dệt những sợi ngang đan xen dưới những sợi dọc và sau đó nổi lên trên bề mặt qua hai hoặc nhiều sợi dọc. Sau khi dệt, những phần nổi lên trên bề mặt được cắt đi, các đầu cắt dựng đứng lên để tạo thành các thớ nhung (pile). Kết quả tương tự thu được bằng cách lồng các dây song song với sợi dọc, sợi ngang nổi vòng bị cắt trong quá trình dệt. Vì thế các búi lông vẫn được cố định bởi các sợi dọc.

Vải có sợi ngang nổi vòng chưa được cắt phần nổi, ở trạng thái này chúng không có lông đứng, thì được bao gồm ở nhóm này (xem Chú giải 2 của Chương này).

(B) CÁC LOẠI VẢI SONIN (CHENILLE)

Vải sonin rất giống với loại thảm sonin thuộc nhóm 57.02; giống như những loại này, bề mặt nổi vòng của chúng (thường là cả hai mặt) được sản xuất bằng sợi bằng sợi sonin. Thông thường, chúng được làm bằng cách bổ sung thêm một sợi ngang làm từ sợi sonin hoặc bằng cách lồng vào sợi sonin (có độ dài và màu sắc khác nhau) vào các sợi dọc trong suốt quá trình dệt nền vải.

*

* *

Vải nổi vòng (pile) và vải sonin được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau nhưng tơ, lông cừu, lông động vật loại mịn, bông và sợi nhân tạo được sử dụng hầu hết để sản xuất vải nổi vòng.

5801.36 - - Chenille fabrics

5801.37 - - Warp pile fabrics

5801.90 - Of other textile materials

(A) WOVEN PILE FABRICS, OTHER THAN FABRICS OF HEADING 58.02

Woven pile fabrics are composed of at least three series of threads : tight warp and weft forming the ground fabric and a warp or weft forming a pile. This pile consists of either tufts or loops over the whole or part of the surface; it is generally on one side only, but sometimes on both.

Warp pile fabrics (velvets, plushes, moquettes, etc.) may be produced by raising the pile warp over wires inserted in the direction of the weft. The loops thus formed are cut either during the weaving or subsequently, or occasionally left uncut for looped or uncut pile fabrics. The loops or tufts of cut pile are held in place by the weft threads.

Warp pile fabrics are also produced by weaving two fabrics face to face with a common pile warp; the two fabrics are then separated by cutting to produce two fabrics with a cut pile.

Cut weft pile fabrics (velveteens, corduroys, etc.) have a pile usually produced by weft threads which alternately pass under the warp and then float on the surface over two or more warp threads. After weaving, the portions floating on the surface are cut, the cut ends standing up to form the pile. A similar result is obtained by inserting wire parallel to the warp, the weft pile being cut during weaving. The tufts of pile are thus held in place by the warp threads.

Weft pile fabrics which have not yet had the floats cut, at which stage they have no pile standing up, are included in this heading (see Chapter Note 2).

(B) CHENILLE FABRICS

Chenille fabrics are very similar to the chenille carpets of heading 57.02; like these, their pile surface (usually on both sides) is produced by chenille yarns. They are generally manufactured by means of an additional weft of chenille yarn or by inserting chenille yarn, in different lengths and colours, into the warp during weaving of the ground fabric.

*

* *

Pile fabrics and chenille fabrics are made of various materials but silk, wool, fine animal hair, cotton and man-made fibres are most commonly used for the pile.

Tất cả các loại vải này có thể trơn, có gân hoặc được in hình hoặc có thể được in hình nổi sau khi dệt; vải nổi vòng (pile) được in hình bao gồm những loại vải có một mặt được bao bọc một phần bằng nhung (pile), hoặc có một mặt với thớ nhung được cắt, một phần hoặc thớ nhung được tạo vòng một phần (ciselé velvets) để tạo ra các hình trang trí rất khác nhau. Vải dệt có sợi nổi vòng giả da thú (ví dụ: bộ da lông cừu, da lông cừu caracul, hoặc da báo giả) cũng được phân loại ở đây, nhưng vải giả da thú được làm bằng cách may hoặc dán bằng keo trên nhung thì bị loại trừ (**nhóm 43.04**).

Nên chú ý rằng nhiều loại vải thuộc nhóm này được sản xuất theo cách giống với cách sản xuất thảm thuộc nhóm 57.02; tuy nhiên, trên thực tế chúng được phân biệt một cách dễ dàng với các loại thảm, vì được thiết kế chủ yếu thành các loại vải trang trí hoặc các loại vải dùng cho may mặc và không phải làm vật liệu phủ nền, chúng được làm bằng các vật liệu mịn hơn và có vải nền mềm hơn.

Nhóm này **không bao gồm**:

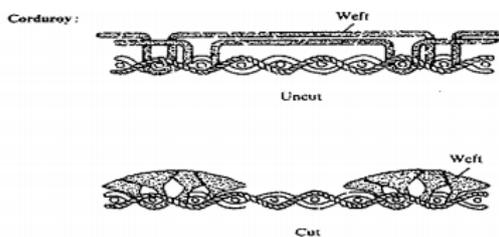
- (a) Vải thô sần (Bouclé), vải len tuyết xoắn (ratin) và các loại vải khác có hình dạng giống như đối với các loại vải nhung (pile), nhưng chúng được dệt bằng các loại sợi đặc biệt (ví dụ: sợi thô sần (bouclé) hoặc được sản xuất bằng phương thức xử lý của các loại vải dệt thông thường (ví dụ: cạo sạch và chải)) (thường thuộc **Chương 50 đến Chương 55**)
- (b) Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự và các loại vải dệt chân sợi nổi vòng (thuộc **nhóm 58.02**).
- (c) Các loại vải tuyết nhung (pile)..., các loại vải nằm trong định nghĩa vải dệt thoi khổ hẹp (**nhóm 58.06**).
- (d) Các loại vải dệt kim hoặc hàng khâu đính với một lớp nhung đã cắt hoặc nổi vòng (**nhóm 60.01 hoặc 56.02** tùy từng trường hợp).
- (e) Các loại vải nhung (pile)... được hoàn thiện theo phương pháp nêu tại Phần (II) thuộc phần Chú giải tổng quát của Phần XI.

o
o o

Chú giải phân nhóm.

Các phân nhóm 5801.22 và 5801.32

Theo mục đích của phân nhóm 5801.22 và 5801.32, các minh họa dưới đây về tiết diện của sợi dọc sẽ được dùng để phân biệt nhung kẻ đã cắt với các loại nhung ngang đã cắt khác.



All these fabrics may be plain, ribbed or figured or may be embossed after weaving; figured pile fabrics include those with a surface only partly covered with pile, or with a surface of partly cut or partly looped pile (ciselé velvets) thus producing very varied designs. Woven pile fabrics imitating furskins (e.g., astrakhan, caracul or imitation leopard skins) are also classified here, but imitation furskins made, for example, by sewing or gumming in the pile are **excluded (heading 43.04)**.

It should be noted that many of the fabrics of this heading are manufactured in the same way as the carpets of heading 57.02; they are, however, easily distinguished from carpets by the fact that, being designed primarily as furnishing or clothing fabrics and not as floor coverings, they are made with finer materials and have a much more supple ground fabric.

The heading **does not cover**:

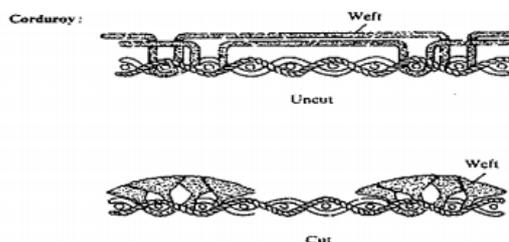
- (a) Bouclé fabrics, ratines and other fabrics which present an appearance similar to pile fabrics, but which are woven with special yarn (e.g., bouclé yarn) or produced by treatment (e.g., scraping or teasing) of normal woven fabrics (in general **Chapters 50 to 55**).
- (b) Terry towelling and similar woven terry fabrics and tufted textile fabrics of **heading 58.02**.
- (c) Pile, etc., fabrics within the definition of narrow woven fabrics (**heading 58.06**).
- (d) Knitted fabrics or stitch-bonded goods with a cut or looped pile surface (heading 60.01 or 56.02, as the case may be).
- (e) Pile, etc., fabrics made up within the meaning of Part (II) of the General Explanatory Note to Section XI.

o
o o

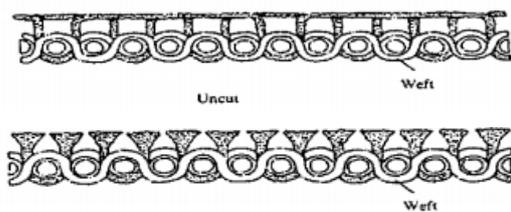
Subheading Explanatory Note.

Subheadings 5801.22 and 5801.32

For the purposes of subheadings 5801.22 and 5801.32, the following illustrations of the section through the warp should be used to distinguish cut corduroy from other cut weft pile fabrics:

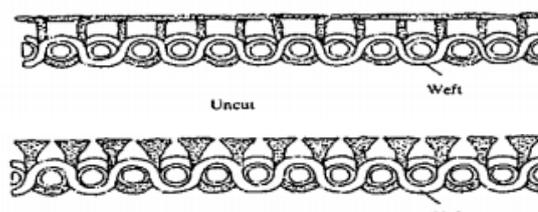


Vải nhung kẻ



Vải nhung

Corduroy



Velveteen

58.02 - Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03.

5802.10 - Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ bông

5802.20 - Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ các vật liệu dệt khác

5802.30 - Các loại vải dệt tạo búi

(A) VẢI KHĂN LÔNG VÀ CÁC LOẠI VẢI DỆT THOI TẠO VÒNG LÔNG TƯƠNG TỰ

Những loại vải này là loại vải có sợi móc nổi vòng được sử dụng làm khăn lau, áo choàng tắm, áo choàng tắm biển, áo choàng ngủ, găng tay vệ sinh v.v... Chúng có một thứ vải ngang xít và 2 loại sợi dọc, một loại xít và một loại lỏng hình thành các vòng trên bề mặt của vải. Tỷ lệ của 2 loại sợi dọc trên tấm vải có thể khác, nhưng thường có sự tương đồng về số lượng sợi dọc nền và số lượng sợi nổi vòng.

Các móc thường xuất hiện dưới dạng bị xoắn lại và thông thường được sản xuất trên cả 2 mặt của vải may mặc, nhưng đôi khi chỉ có trên một mặt; đôi khi có thể bị cắt. Các móc có thể phủ lên toàn bộ bề mặt một cách đồng nhất hoặc tạo thành các sọc vân, caro, hình thoi hoặc những hoa văn phức tạp hơn.

Tuy nhiên nhóm này **không bao gồm** các loại vải có vòng lông chỉ trên 1 mặt, tất cả các móc bị cắt (**nhóm 58.01**).

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Các loại vải khăn lông, dệt kim hoặc móc (**nhóm 60.01**)

(b) Vải tấm, qua quá trình cắt dọc theo đường xác định làm mất đi các sợi ngang tạo thành các loại sản phẩm có đỉnh tua riêng rẽ (**nhóm 63.02**).

(B) CÁC LOẠI VẢI DỆT CHÀN SỢI NỔI VÒNG

Những loại vải này được làm bằng cách lồng sợi, bằng hệ thống các kim và móc, vào một nền vải có sẵn (vải dệt thoi, vải dệt kim hoặc móc, phớt, vải không dệt v.v...) để tạo thành các vòng hoặc, nếu các móc được kết hợp với dụng cụ cắt thì tạo thành các chùm tuyệt cắt.

58.02 - Terry towelling and similar woven terry fabrics, other than narrow fabrics of heading 58.06; tufted textile fabrics, other than products of heading 57.03.

5802.10 - Terry towelling and similar woven terry fabrics, of cotton

5802.20 - Terry towelling and similar woven terry fabrics, of other textile materials

5802.30 - Tufted textile fabrics

(A) TERRY TOWELLING AND SIMILAR WOVEN TERRY FABRICS

These fabrics are those looped pile fabrics such as are used for towelling, bathrobes, beachrobes, leisure robes, toilet gloves, etc. They have a tight weft and two series of warp threads, one tight and one slack, the latter forming loops on the surface of the fabric. The proportion of the two kinds of warp threads in the fabric may differ, but usually there are the same number of ground warp threads as of pile warp threads.

The loops often appear twisted and are generally produced on both sides of the cloth, but sometimes on one only; they may sometimes be cut. The loops may cover the entire surface uniformly or form stripes, checks, diamonds or more complicated patterns.

However this heading **does not cover** fabrics having pile on one side only, all of the loops of which are cut (**heading 58.01**).

The heading also **excludes**:

(a) Terry fabrics, knitted or crocheted (**heading 60.01**).

(b) Fabric in the piece which, by the simple process of cutting along defined lines indicated by the absence of weft threads, may be converted into separate fringed articles (heading 63.02).

(B) TUFTED TEXTILE FABRICS

These fabrics are made by inserting yarns, by means of a system of needles and hooks, into a pre-existing textile ground fabric (woven, knitted or crocheted, felt, nonwoven, etc.) so as to form loops or, if the hooks are combined with a cutting device, tufts of cut pile.

Các sản phẩm của nhóm này được phân biệt với các tấm thảm chần và các tấm trải sàn được chần nổi vòng thuộc nhóm 57.03 bởi các sản phẩm này thiếu độ cứng, độ dày và độ bền làm cho chúng không phù hợp để sử dụng như các loại trải sàn.

Hơn thế nữa, những loại vải này có thể được phân biệt với các loại vải có sợi nổi vòng thuộc nhóm 60.01, chúng có các hàng chỉ khâu trên mặt sau của vải dệt, do đặc tính các đường chỉ khâu làm xuất hiện các đường khâu chạy dọc theo chiều dài phía sau tấm vải.

58.03 - Vải dệt quần, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06.

Vải dệt quần (đôi khi được biết như kiểu dệt leno) được định nghĩa trong Chú giải 3 của Chương này.

Trong vải dệt quần trơn, các sợi chéo chạy hoán vị nhau về phía bên phải và trái của sợi đứng qua sợi ngang, nhưng chạy chéo dưới những sợi đứng; các sợi dọc đứng luôn luôn ở về một phía của các sợi ngang, các sợi dọc đứng và các sợi ngang không bị đan vào nhau nhưng chúng được liên kết với nhau bằng sợi dọc chéo.

Biến thể của vải dệt quần có thể thu được bằng cách đan chéo các sợi chéo với nhau (vì thế được gọi là vải dệt quần đã móc, dệt quần Marly), bằng cách lồng 2 hoặc nhiều sợi ngang đồng thời qua các móc được hình thành từ các sợi đứng và sợi chéo, bằng cách sử dụng hai hoặc nhiều sợi đứng trên một sợi chéo và ngược lại.

Nhóm này cũng bao gồm:

(1) Vải dệt quần mỏng (broché) được sản xuất với một sợi phụ (sợi broché) được dùng trong quá trình dệt để tạo mẫu thiết kế trên một nền vải quần.

(2) Các loại vải cấu tạo bằng các phần vải dệt quần và các phần dệt thoi bằng các kiểu dệt khác với tỷ lệ bất kỳ của các chất liệu trên. Những loại vải này thường có kết quả là các sợi kẻ sọc có sợi dọc chạy qua, kẻ caro hoặc các mẫu thiết kế khác.

Vải dệt quần thường được dệt thưa và vì vậy nó khá nhẹ, nó được sử dụng làm màn che là chủ yếu; một số loại vải chủ yếu được sản xuất thành sợi stmin bằng cách cắt thành các dải hẹp theo chiều của sợi dọc.

Các loại vải dệt quần khác có hình thức phong phú, và các mẫu thiết kế được sản xuất trong suốt quá trình dệt cũng rất đa dạng, và không được nhầm lẫn loại vải này với vải broché hoặc vải khác thuộc **Chương 50 đến Chương 55**, dây đăng ten được làm thủ công hoặc bằng máy, đồ trang trí phụ, vải tuyen hoặc các loại vải lưới khác thuộc Chương này.

Nhóm này **không áp dụng** cho các loại vải dệt thưa trơn của vải dệt vân điểm, các loại vải này được dùng cho các băng dùng trong y tế; các vải này thường được gọi là vải dệt quần nhưng lại thuộc **nhóm 30.05** (nếu đã được tẩm thuốc hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ dùng cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y) hoặc từ **Chương 50 đến**

Products of this heading are distinguished from the tufted carpets and floor coverings of heading 57.03 by, for example, their lack of stiffness, thickness and strength which renders them unsuitable for use as floor coverings.

Furthermore, these fabrics can be distinguished from the pile fabrics of heading 60.01, which have rows of chain stitches on the back of the fabric, by their characteristic rows of stitches having the appearance of running stitches along the length of the back of the fabric.

58.03 - Gauze, other than narrow fabrics of heading 58.06.

Gauze (sometimes known as leno weave) is defined in Note 3 to this Chapter.

In plain gauze the crossing threads run alternately to the right and left of each standing thread passing over the weft every time but crossing under the standing threads; the standing warp threads are always on one side of the weft, and the standing warp and the weft are not interlaced but are held together by the crossing warp.

Variations can be obtained by the crossing threads crossing with each other (so-called crocheted gauze, Marly gauze), by inserting two or more weft threads together through the loops formed by the standing and crossing threads, by using two or more standing threads per crossing thread and *vice versa*, etc.

This heading also includes :

(1) Broché gauze, manufactured with an extra thread (broché thread) introduced during the weaving process to give the effect of designs on a gauze background.

(2) Fabrics comprising parts of gauze and parts woven by any other weave whatever their relative proportions. These usually have the effect of stripes running warpwise, checks or other varied designs.

Gauze is usually loosely woven and therefore lightweight; it is chiefly used for curtaining; certain varieties are manufactured into chenille yarn by cutting into narrow strips in the direction of the warp.

The different types of gauze vary greatly in appearance, and the designs produced during the weaving process are also very varied, and they should not be confused with the broché or other fabrics of **Chapters 50 to 55**, hand or machine made lace, embroidery, tulle or other net fabrics of this Chapter.

The heading **does not apply** to plain loosely woven fabrics of plain weave, such as those chiefly used for bandages and dressings; these are often called gauze but fall in **heading 30.05** (if medicated or put up in forms or packings for retail sale for medical, surgical, dental or veterinary purposes) or **Chapters 50 to 55**.

55.

Nhóm này cũng không bao gồm vải dùng để rây sàng (nhóm 59.11)

58.04 - Các loại vải tuyn và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu hoa văn, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06 (+)

5804.10 - Vải tuyn và vải dệt lưới khác

- Ren dệt bằng máy:

5804.21 - - Từ xơ nhân tạo

5804.29 - - Từ các vật liệu dệt khác

5804.30 - Ren làm bằng tay

(I) CÁC LOẠI VẢI TUYN VÀ VẢI DỆT LƯỚI KHÁC

Những sản phẩm này được sử dụng để làm rèm, khăn trải giường hoặc các loại trang trí trong nhà tương tự, màn, quần áo phụ nữ, sản phẩm thêu... Các loại vải này thông thường làm bằng sợi tơ, các loại sợi nhân tạo, bông hoặc băng lạnh.

(A) Các loại vải tuyn và vải dệt lưới dệt chỉ ống khác có các sợi dọc và sợi ngang xoắn quanh mỗi sợi dọc và chạy dọc theo đường chéo từ đường viền này đến đường viền khác, nửa số sợi ngang được làm nghiêng theo một hướng và nửa còn lại bị làm nghiêng theo hướng khác (xem Hình 1). Những sợi ngang này tạo thành một mắt lưới mở cùng với sợi dọc; các mắt lưới có thể hình thành 6 cạnh đều, hình vuông hoặc dạng thoi (lưới Neville). Loại vải tuyn khác có hình 6 cạnh (lưới Mechlin) có các sợi dọc và một hệ thống các sợi chỉ ống chạy theo chiều dọc giữa 2 sợi dọc (xem Hình 2).

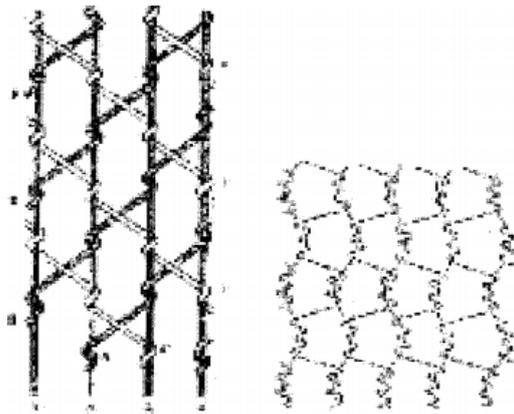


Fig. 1
TULLE A - Warp threads
B and C - Oblique weft threads

Hình 1
TUYN A - Sợi dọc
B và C - Sợi ngang

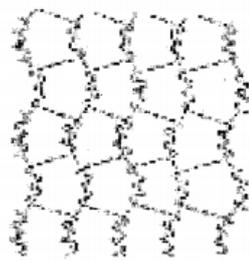


Fig. 2
MECHELIN NET

Hình 2
LƯỚI MECHELIN

(B) Vải tuyn Bobinot là một loại vải tuyn đặc biệt được tạo thành từ 3 loại sợi: (1) các sợi dọc thẳng song song như trong vải tuyn thường, (2) các sợi

The heading also excludes bolting cloth (heading 59.11).

58.04 - Tulle and other net fabrics, not including woven, knitted or crocheted fabrics; lace in the piece, in strips or in motifs, other than fabrics of heading 60.2 to 60.6 (+).

5804.10 - Tulle and other net fabrics

- Mechanically made lace

5804.21 - - Of man-made fibres

5804.29 - - Of other textile materials

5804.30 - Hand-made lace

(I) TULLES AND OTHER NET FABRICS

These products are used for making curtains, bedspreads or similar household furnishings, veils, ladies' garments, in embroidery, etc. They are generally of silk, man-made fibres, cotton or linen.

(A) Tulle and other bobbin-net fabrics consist of warp threads with weft threads which twist round each warp thread and run diagonally from selvedge to selvedge, half the weft being inclined in one direction and the other half inclined in the other direction (see Figure 1). These wefts form an open mesh with the warp; the meshes may be in regular hexagonal form, square, or diamond-shaped (Neville net). Another variety of tulle in hexagonal form (Mechlin net) consists of warp threads and a system of bobbin threads which pass longitudinally between two warp threads only (see Figure 2).

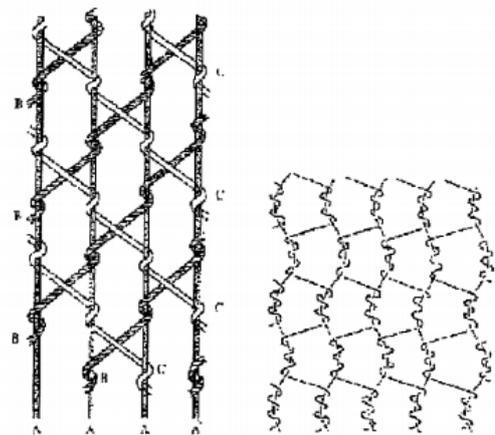


Fig. 1
TULLE A - Warp threads
B and C - Oblique weft threads

Fig. 1
TULLE A - Warp threads
B and C - Oblique weft threads

Fig. 2
MECHELIN NET

Fig. 2
MECHELIN NET

(B) Tulle bobinot is a special tulle composed of three series of threads: certain straight parallel warp threads as in ordinary tulle, pattern threads (so called because

mẫu (chúng được gọi như vậy bởi vì chúng tạo ra mẫu vẽ trên vải) chạy thay thế nhau dọc theo các sợi thẳng và tạm thời tách xa các sợi thẳng này tới các sợi thẳng khác (thường là sợi liền kề), vì thế tạo ra các mắt lưới hình tam giác, các mắt lưới hình tam giác này được nằm rải rác trên các khoảng cách hình thang hoặc hình dạng khác, và (3) các sợi chéo xoắn quanh sợi thẳng và kéo các sợi mẫu lại với nó (xem Hình 3). Các phần mờ trong mẫu thiết kế được sản xuất bằng cách nhóm một số mắt lưới hình tam giác như trên lại gần với nhau.

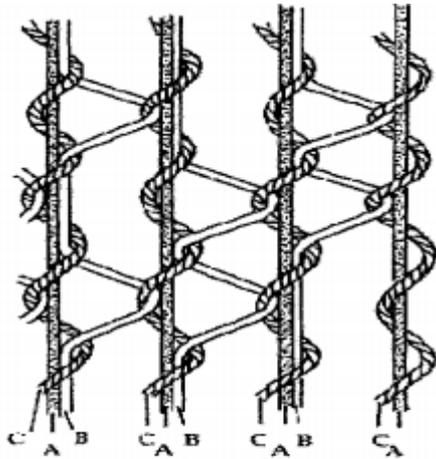


Fig. 3
TULLE BOBINOT.
A - Warp thread.
B - Pattern thread.
C - Crossing thread.

they produce the pattern) running alternately alongside the straight threads and temporarily away from them to another (usually adjacent) straight thread, thus producing triangular meshes interspersed with spaces of trapezoid or other form, and crossing threads which twist round the straight warp and bind the pattern threads to it (see Figure 3). Opaque parts in the design are produced by grouping together closely a number of such triangular meshes.

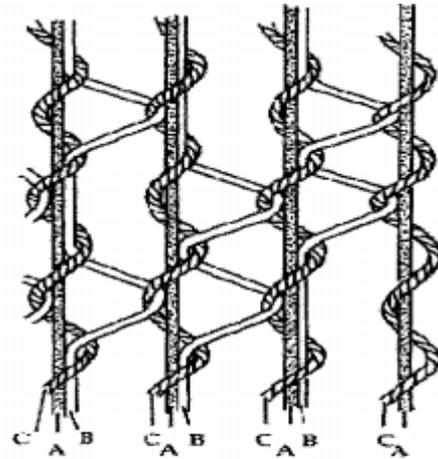


Fig. 3
TULLE BOBINOT.
A - Warp thread.
B - Pattern thread.
C - Crossing thread.

Hình 3

(C) **Vải dệt lưới** có 3 loại sợi: các sợi dọc song song, sợi có mắt và sợi kẹp (ví dụ lưới mạng). Mỗi sợi có mắt chạy hoán vị nhau dọc theo các sợi dọc khác nhau tạo nên các mắt hình vuông khi sợi có mắt chạy từ một chỗ này đến một chỗ khác. Các sợi kẹp giữ vải lại bằng cách buộc những sợi có mắt với những sợi dọc ở một số chỗ nhất định (xem Hình 4).

(C) **Net fabrics** have three series of threads: parallel warp threads, mesh threads and binding threads (e.g., filet net). Each mesh thread runs alternately alongside different warps forming square meshes as it passes from one to the other. The binding threads hold the fabric together by binding the mesh threads to the warp threads in certain places (see Figure 4).

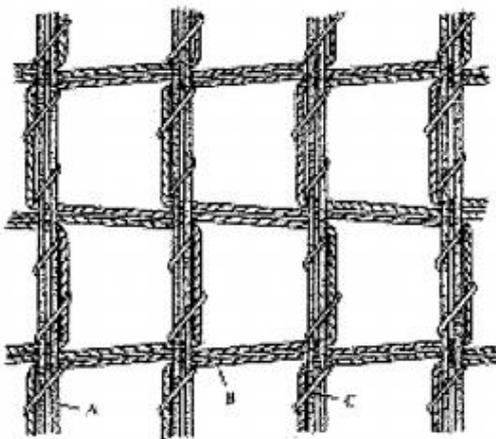


Fig. 4
PLAIN FILET NET.
A - Warp thread.

Hình 4

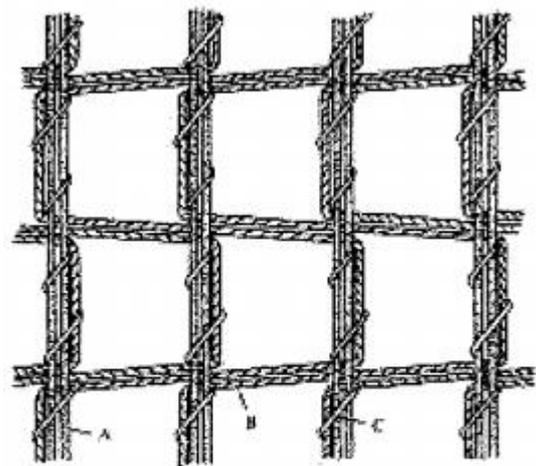


Fig. 4
PLAIN FILET NET.
A - Warp thread.

(D) **Vải dệt lưới đã thắt nút** có một mắt dạng hình vuông hoặc hình thoi đồng nhất được thắt lại tại từng

(D) **Knotted net fabrics** have a uniform square or diamond shaped mesh knotted at each corner so that the

điểm góc để các sợi không thể bị kéo tách ra, có thể được làm thủ công hoặc làm bằng máy.

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Vải dệt thưa thuộc các **Chương 50 đến 55** và vải dệt quần thuộc nhóm **58.03**.
- (b) Các loại lưới thuộc **nhóm 56.08**.
- (c) Vải dung để sàng (**nhóm 59.11**).
- (d) Vải dệt kim hoặc móc thuộc **Chương 60**.
- (e) Vải tuyn và các vải dệt lưới khác được tạo thành như đã nêu ở Phần (II) của Chú giải tổng quát Phần XI.

(II) HÀNG REN

Hàng ren là một loại vải trang trí có mắt lưới trong đó các yếu tố mẫu thiết kế (tương đối phức tạp) được tạo thành bằng xoắn các sợi, các sợi xoắn này được nối hoặc bằng các mắt, thường có kích cỡ và hình dạng bình thường, tạo thành một tấm vải nên có lỗ thủng nhìn thấy được, hoặc bằng các mắt liên kết làm trang trí mà chính chúng tạo ra hình mẫu. Các yếu tố thiết kế mẫu và tấm nền của mắt lưới hoặc các mắt liên kết làm trang trí thường được sản xuất đồng bộ nhưng đôi khi các yếu tố thiết kế mẫu được làm một cách riêng rẽ và sau đó được ghép lại.

Một đặc điểm thiết yếu của hàng ren là yếu tố thiết kế mẫu không được thực hiện trên nền vải đã sẵn có. Theo mục đích của nhóm này, loại hàng này không áp dụng thêm đối với các sản phẩm có cùng hình dạng bên ngoài và đôi khi chúng được xem như hàng ren (ví dụ: hàng ren lưới), được làm bằng cách điền phủ hoặc trang trí các mắt lưới của nền vải đã có sẵn làm từ tuyn hoặc lưới, hoặc bằng cách ghép trang trí trên mặt nền, bất kể sau đó có hay không việc mặt nền được gỡ bỏ một phần hoặc gỡ bỏ toàn bộ. Những sản phẩm như vậy được phân loại như các đồ thêu **nhóm 58.10**, vì những sản phẩm này là các dải đăng ten thật, sau đó chúng được thêu và lớp ren nổi được tạo ra bằng cách trang trí ghép.

Nhóm này cũng **loại trừ** các sản phẩm có lỗ của bất kỳ loại nào được sản xuất bằng dệt kim bằng tay hoặc dệt kim bằng máy (**Chương 60**) những sản phẩm này có thể được nhận ra bằng các mũi dệt kim điển hình, đặc biệt là tại các phần không có lỗ.

Không giống như các loại vải tuyn, vải dệt quần hoặc các loại vải dệt thưa khác, hàng ren không có các sợi ngang và dọc rõ ràng. Hàng ren thường được dệt với một sợi đơn và khi nhiều hơn một sợi đơn được sử dụng thì chúng có cùng một chức năng.

Hàng ren có thể được làm bằng tay hoặc bằng máy.

Các hàng ren chủ yếu được **làm bằng tay** là:

(A) **Hàng ren kim** được thực hiện với một chiếc kim trên một tấm giấy hoặc giấy giả da có sẵn mẫu thiết kế. Hàng ren chạy theo những nét chính của bản thiết kế mẫu, những sợi cấu thành của nó nằm dọc trên tờ giấy nhưng không xuyên qua tờ giấy; ví dụ những sợi tạo khung hình thành sườn khung ban đầu của hàng ren, được gắn tạm thời vào mẫu thiết kế bằng

threads cannot be pulled apart. They may be hand or machine made.

The heading **does not include**:

- (a) Loosely woven fabrics of **Chapters 50 to 55**, and gauze of **heading 58.03**.
- (b) Nets or netting of **heading 56.08**.
- (c) Bolting cloth (**heading 59.11**).
- (d) Knitted or crocheted fabrics of **Chapter 60**.
- (e) Tulle and other net fabrics made up as indicated in Part (II) of the General Explanatory Note to Section XI.

(II) LACE

Lace is an ornamental or decorative openwork fabric in which design elements (more or less intricate) formed by the intertwisting of threads are joined either by meshes, usually of regular size and shape, forming an apparent openwork ground fabric, or by ornamental links (brides) which themselves give pattern effects. The design elements and background of mesh or brides are usually produced simultaneously but sometimes the design elements are made separately and assembled afterwards.

It is an essential characteristic of lace that the design element is not worked on a **pre-existing** ground. For the purposes of this heading the term therefore **does not extend** to products of similar appearance and, indeed, sometimes known as lace (e.g. filet lace), made by filling in or decorating the meshes of a pre-existent ground of tulle or net, or by sewn applique work on a ground, whether or not the ground is subsequently wholly or partly removed. Such products are classified as embroidery in **heading 58.10**, as are also true laces which have been subsequently embroidered, and encrusted lace produced by sewn applique work.

The heading also **excludes** openwork products of any kind produced by knitting by hand or machine (**Chapter 60**); these can be recognised usually by the characteristic knitting stitch, particularly at the solid parts.

Unlike tulle, gauzes or other loosely woven fabrics, lace does not have distinct warp and weft. It is often executed with a single thread and when more than one thread is used it fulfils the same function.

Lace may be made by hand or machine.

The principal classes of **hand-made** lace are :

(A) **Needlepoint lace**, executed with a needle on a sheet of paper or parchment bearing the design. The lace follows the outline of the pattern, its component threads lying on the paper but not piercing it; the frame threads, i.e., those forming the initial skeleton of the lace are temporarily attached to the pattern by crossing stitches in order to facilitate the work.

những mũi khâu để thuận tiện cho gia công.

Hàng ren kim gồm có: Alencon, Argerentan, Venetian,...

(B) **Hàng ren cuộn** (hàng ren gối) được làm bằng các sợi quần trên các ống chỉ và xoắn lại với nhau trên một "gối" hoặc "cái lót mềm" trên đó mẫu thiết kế được gắn chặt và trong đó các gim được lồng tạm thời để thuận tiện cho việc sản xuất hàng ren.

Hàng ren cuộn hay hàng ren gối bao gồm Valenciennes, Chantilly, Malines, Bruges, Duchesse, Puy...

(C) **Hàng ren móc** (được biết như là hàng ren móc Alien) không giống như các loại khác đã được nêu trên, hàng ren móc không trải trên mẫu thiết kế hay trên một nền nào đó khi gia công; được sản xuất bằng tay với một kim móc.

(D) **Các loại hàng ren khác** và các mặt hàng tương tự, ví dụ:

(1) **Hàng ren Teneriffe**, được làm theo cách giống như hàng ren mũi kim.

(2) **Kiểu trang trí Lacet**, hàng ren kim có những bộ phận nhất định thu được bằng cách sử dụng dây tết Lacet; được làm trên một gối (pillow) hoặc làm bằng máy.

(3) **Hàng ren thêu**, tương tự như hàng ren móc nhưng có mẫu tròn và thắt nút bằng con thoi.

(4) **Hàng ren tết**, hàng ren dày được làm bởi việc thắt nút một loạt các loại sợi được đặt sẵn tại những góc vuông với một sợi dẫn theo nhiều cách khác.

Ren làm bằng máy có bề ngoài nhìn chung giống bề ngoài hàng ren làm thủ công bằng tay (trừ trường hợp của hàng ren cuộn) nhưng phương pháp kết các sợi thì khác nhau và hàng ren được sản xuất bằng máy thì đều hơn làm bằng tay.

Hàng ren làm bằng tay hoặc làm bằng máy được phân loại ở đây nêu:

(i) Ở dạng mảnh hoặc dạng dải với độ dài bất kỳ.

hoặc (ii) Ở dạng mẫu hoa văn, ví dụ: các mảnh riêng biệt được thiết kế một cách độc lập được liên kết trong hoặc gắn vào, các loại sản phẩm khác như các loại quần áo ngủ, áo choàng, các loại quần áo khác, các loại khăn mùi xoa, các loại vải trải bàn hoặc các đồ trang trí khác.

Những mặt hàng được phân loại trong nhóm này dù được người thêu ren làm trực tiếp thành một sản phẩm, hoặc được cắt từ các tấm lớn hơn hoặc được ghép lại từ nhiều tấm hàng ren rời.

Nhóm này **không bao gồm** tất cả các loại sản phẩm làm từ hàng ren; những loại sản phẩm này được phân loại theo đặc điểm của chúng, nhìn chung ở các **Chương 62** hoặc **63** (ví dụ các loại áo khoác có ren thuộc **nhóm 62.14**, các loại cổ áo có ren dùng cho các loại quần áo phụ nữ thuộc **nhóm 62.17**, và các loại khăn trải bàn có hàng ren thuộc **nhóm 63.04**).

Needlepoint lace includes Alencon, Argentan, Venetian, etc.

(B) **Bobbin lace** (pillow lace) worked with several threads wound on bobbins and twisted together on a "pillow" or "cushion" on which the pattern is fastened and in which are temporarily inserted pins to facilitate production of the lace.

Bobbin or pillow laces include Valenciennes, Chantilly, Malines, Bruges, Duchesse, Puy, etc.

(C) **Crochet lace** (e.g., that known as Irish crochet lace). Unlike the varieties described above, crochet lace is not laid on a design or support when being made; it is made by hand with a crochet hook.

(D) **Various other kinds of lace**, more or less resembling the other varieties, e.g. :

(1) **Teneriffe lace**, made in the same manner as needlepoint lace.

(2) **Lacet work**, needlepoint lace in which certain parts are obtained by the use of lacet braid; made on a pillow or mechanically.

(3) **Tatting lace**, similar to crochet lace but with round designs and knotted by means of a shuttle.

(4) **Macramé lace**, a heavy lace made by knotting in various ways a series of threads fixed at right angles to a leading thread.

Machine-made lace is similar to hand-made lace in general appearance but, except in the case of bobbin laces, the method of interlacing the threads is different and machine-made lace is more uniform than hand-made.

Hand or machine made lace is classified here whether:

(i) In the piece or in strips of any length.

or (ii) In the form of motifs, i.e., individual pieces designed solely to be incorporated in, or applied on, other articles such as nightdresses, slips, blouses or other articles of apparel, handkerchiefs, table cloths or other furnishings.

These goods are classified in this heading whether made directly in one piece by the lace maker, or cut from larger pieces or assembled from several separate lace elements.

The heading **does not cover** articles of lace; these are classified according to their character, generally in **Chapter 62** or **63** (e.g., lace mantillas in **heading 62.14**, lace yokes and collars for women's garments in **heading 62.17**, and lace table mats in **heading 63.04**).

Chú giải phân nhóm.

Các phân nhóm 5804.21, 5804.29 và 5804.30

Hàng ren làm bằng máy giả hàng ren làm bằng tay, bề ngoài thì giống như hàng ren làm bằng tay nhưng chúng có thể phân biệt được nhờ các yếu tố cơ bản sau:

Hàng ren làm bằng máy thường được sản xuất thành từng mảnh khá rộng mà được cắt thành các dải trong quá trình hoàn thiện. Trong trường hợp này, các mép ren của các dải đã cắt gần như luôn luôn vẫn còn các mũi khâu hoặc một phần các mũi khâu từ vải có lỗ mà được ghép nối một dải với dải tiếp theo trên máy dệt. Các mũi khâu hoặc một phần các mũi khâu được nhận biết ở mặt ngoài của hàng ren. Chúng thường lộ ra bên ngoài trên đường biên tạo thành góc dốc, ví dụ khó phát hiện ngay ra chúng mà không cùng lúc phá đường biên. Sự có mặt các mũi khâu hoặc một phần các mũi khâu chứng tỏ loại hàng ren đó là hàng ren làm bằng máy.

Việc phân biệt có thể thực hiện bằng cách kiểm tra các mẫu trang trí của hàng ren, hướng đi của các sợi nổi (hoặc đường viền) và sợi lót. Trong hàng ren làm thủ công bằng tay, những sợi này có thể chạy theo nhiều hướng và có thể được dồn quay lại hướng ban đầu của nó. Đối với loại hàng ren làm bằng máy, không thể khâu ngược lại như mô tả ở trên; những sợi này có thể vì thế mà bị đặt sang bên trái hoặc phải, nhưng chúng phải theo định hướng dệt.

Phương pháp phủ vào các phần mờ của mẫu thiết kế là nhân tố thứ ba được ghi nhận để phân biệt hàng ren làm bằng máy và hàng ren làm thủ công. Loại hàng ren làm thủ công chỉ sử dụng các yếu tố sau:

- mũi khâu thắt, ví dụ, mũi viền đặng ten hoặc mũi khâu khuyết áo nếu nó là hàng ren mũi khâu
- mũi khâu vải hoặc mũi khâu cửa nếu nó là hàng ren cuộn.

Mũi khâu vải sao chép lại một cách chính xác kiểu dệt vân điểm. Ở mũi khâu cửa, các sợi hợp với nhau như những sợi dọc và được chia thành 2 lớp, giữa 2 lớp tạo thành một góc xấp xỉ 90 độ, sợi ngang xuyên qua bề mặt này, sợi ngang chạy thay thế nhau trên đỉnh của một sợi thuộc lớp đầu tiên (phần sợi ở trên) và phần sợi ở dưới những sợi thuộc lớp thứ 2.

Hàng ren làm bằng máy, sử dụng phương pháp thêu dệt một cách phổ biến nhất như sau :

- mũi khâu vải với một nét đặc trưng là các loại sợi hình thành sợi ngang không nhất thiết chạy từ một biên vải này tới một biên vải khác của mẫu thiết kế. Trong một vài trường hợp, những sợi này chỉ chạy qua một phần của đường chéo và sợi khác bắt ngay vào lớp sợi đầu để hoàn tất phần cắt;
- một phương pháp lắp ghép tương tự với nó được sử dụng để thu được toàn bộ các suốt chỉ dệt vải tuyen (các sợi thẳng, các sợi mẫu, sợi buộc);

Subheading Explanatory Note.

Subheadings 5804.21, 5804.29 and 5804.30

Mechanically made imitations of hand-made lace, are similar in general appearance to hand-made lace but can be distinguished on the basis of the following criteria:

Mechanically made lace is often produced in fairly wide pieces which are cut into strips during the finishing process. In this case, the lace edges of the cut strips nearly always retain the stitches or parts of stitches from the openwork fabric which joined one strip to the next on the loom. These stitches or parts of stitches are found on the outside of the lace. They are usually seen where the line on the edge forms a recessed angle, i.e., where it is difficult to reach them without at the same time destroying the edge itself. The presence of these stitches or parts of stitches is a clear indication that the lace is mechanically made.

A distinction can also be made by examination of the decorative motifs of the lace, the flow of the relief (or contour) threads and of the filling-in threads. In hand-made lace, these threads can run in any direction and may in fact be returned to their original direction. In mechanically made lace, such reverse stitching is not possible; these threads can therefore slant to the right or to the left, but they must follow the progressive direction of the work.

The method of filling in the opaque parts of the design is a third factor to be borne in mind in distinguishing between hand-made lace and mechanically made lace. In hand-made lace, only the following are used:

- the lock-stitch, i.e., the scallop stitch or buttonhole stitch if it is needlepoint lace
- the cloth or gate stitch if it is bobbin lace.

The cloth stitch reproduces exactly the plain weave. In a gate stitch, the threads serve as warp threads and are divided into two superimposed series which between them form an angle of approximately 90°; the weft thread passes across this surface, passing alternately on top of one thread of the first series (top series) and under the thread(s) of the second series immediately following.

In mechanically made lace, the most widely used methods of filling are as follows :

- the cloth stitch, but with one peculiarity in that the threads which form the weft do not necessarily run from one edge of the design to the other. In some cases, they run only part of the way across and another thread meets the first to complete the section;
- a method of mounting similar to that used in obtaining the full parts in tulle bobinot (straight threads, pattern threads, tie threads);

- lồng qua mạng (lưới), một sợi hình thành với những sợi dọc một kiểu dệt vân điểm. Trong hai quá trình trên, mạng dệt kết thúc tại điểm mà mẫu thiết kế bắt đầu thực hiện, nhưng đối với phương pháp lồng qua mạng lưới này thì không như vậy.

Những nhận xét sau đây có thể giúp ta phân biệt hàng ren làm bằng máy và hàng ren làm bằng tay. Thực tế, trong một vài trường hợp những nhận xét như vậy sẽ cung cấp những phương thức duy nhất để có thể nhận biết, đặc biệt là khi phân biệt giữa các cuộn chỉ hàng ren làm bằng tay và những cuộn chỉ hàng ren làm bằng máy.

(a) Các lỗi nhỏ của hàng ren làm thủ công bằng tay không thường có khoảng trống và hiếm khi có bề ngoài tương tự nhau, trái lại ren làm bằng máy được lặp đi lặp lại một cách thường xuyên, dựa vào hoạt động của thiết bị máy móc được sử dụng trong việc sản xuất hàng ren.

(b) Những móc đường rua (picot loops), thường đề trang trí cho đường viền của hàng ren làm bằng tay, và được tạo nên từ các sợi làm thành lưới, trái lại những móc đường rua này đôi khi được thêm vào đối với những hàng ren làm bằng máy. Trong những trường hợp hàng ren làm bằng máy như vậy, các móc đường rua được gắn một cách ít chắc chắn hơn và có thể bị rút ra mà không tự làm hỏng ren. Đối với hàng ren làm bằng tay thì không thể làm được điều này.

(c) Phương pháp giao dịch và đóng gói cũng là một cách để phân biệt giữa hàng ren làm bằng tay và hàng ren làm bằng máy. Hàng ren làm bằng tay thường không được xuất xưởng với độ dài hơn 20cm, và mỗi cuộn trong lô thì luôn có kiểu mẫu khác nhau. Hàng ren làm bằng máy thì luôn dài hơn và có thể dài tới 500m; mỗi lô hàng thường có nhiều sản phẩm có kiểu mẫu giống nhau.

Thêm vào đó có hàng ren "lấn", được biết đến như loại ren Lacet, ren Renaissance, ren Luxeuil và ren nữ hoàng. Việc sản xuất các loại hàng ren như vậy bắt đầu từ một dải dăng ten (lacet/braid) làm bằng máy, dải này được trải dài theo một vệt và theo các đường của mẫu thiết kế. Tại các góc, dải này được gấp lại để theo đường mẫu; những phần chồng lên nhau được may lại với nhau; những đầu của những dải viền đã được cắt thì được may lại rất công phu. Sau đó, kim khâu sẽ tạo ra các vòng và mũi khâu lót.

Bên cạnh dải viền đã được gấp, cắt và may như mô tả ở trên, loại ren như vậy đôi khi có thể nhận ra hàng những nếp nhăn (chỗ chun) trong đường viền, các đường biên của mẫu thiết kế.

Loại ren này được coi như là hàng ren làm bằng tay.

58.05 - Thảm trang trí dệt thoi thủ công theo kiểu Gobelins, Flanders, Aubusson, Beauvais và các kiểu tương tự, và các loại thảm trang trí thêu tay (ví dụ, thêu mũi nhỏ, thêu chữ thập), đã hoặc chưa hoàn thiện.

Nhóm này bao gồm các loại thảm được dệt bằng tay

- inserting through the net, a thread which forms with the warp threads a plain weave. In the above two procedures, the net ends at the point where the design begins, but this is not so in this case.

The following considerations can also help to distinguish hand-made lace from mechanically made lace. Indeed, in some cases such considerations provide the only means by which a distinction can be made, particularly when distinguishing between hand-made bobbin lace and mechanically made bobbin lace:

(a) Small faults or imperfections found in hand-made lace are irregularly spaced and are rarely similar in appearance, whereas in mechanically made lace they are repeated regularly, due to the action of the mechanical device used in their manufacture.

(b) The picot loops which often trim the edges of hand-made lace are always formed by the threads which make up the net, whereas they are sometimes added to mechanically made lace. In such cases they are much less firmly attached and can be pulled away without destroying the lace itself. This is not possible with hand-made lace.

(c) The method of dispatch and packing is also a means of distinguishing hand-made lace from mechanically made lace. Hand-made lace is not usually dispatched in lengths greater than 20 metres, and each piece in a consignment is generally of a different pattern. Mechanically made lace is always longer and may be as much as 500 metres in length; such consignments always include a considerable number of pieces of the same pattern.

In addition there is "mixed" lace, known as lacet lace, renaissance lace, Luxeuil lace and princess lace. The manufacture of such lace begins from a lacet (braid) obtained mechanically, which is laid flat on a tracing and follows the lines of the design. At the angles the braid is folded again so as to follow the tracing; the parts which overlap are sewn together; the ends of the cut braids are delicately sewn into place.

The loops and filling-in stitches are then made with the needle. In addition to the fact that the braid has been folded over, cut, and sewn as described above, such lace may sometimes be recognised by the gathers in the braid on the concave edges of the design.

This lace is regarded as hand-made lace.

58.05 - Hand-woven tapestries of the type Gobelins, Flanders, Aubusson, Beauvais and the like, and needle-worked tapestries (for example, petit point, cross stitch), whether or not made up.

This heading covers tapestries either woven by hand or

hoặc được thêu tay trên một tấm vải nền (thông thường là vải không thấm nước). Đặc điểm cơ bản của nó là được làm trên dạng các bức tranh có mẫu thiết kế riêng, hoàn chỉnh, thường xuyên có một đặc tính tạo hình.

(A) THẨM TRANG TRÍ DỆT THỦ CÔNG

Thảm dệt thủ công được sản xuất bằng cách kéo các sợi dọc trên một máy dệt và kết các sợi ngang với nhiều màu sắc khác và liên kết đan phủ các sợi dọc, tạo mẫu hình và đồng thời làm thành vải dệt.

Ngược với quy trình thường sử dụng đối với vải có sợi ngang và dọc, thông thường các sợi ngang có màu sắc khác nhau không dài hơn mức cần thiết để tạo mẫu, để sao cho nhìn chung các sợi ngang không xuyên dọc hết độ rộng của tấm vải; vì thế, dọc theo từng sợi ngang, sợi dọc được phủ bằng hàng loạt các sợi ngang có màu khác nhau, những đầu nối lỏng của sợi ngang xuất hiện trên mặt trái của mẫu thiết kế. Những khoảng cách không được dệt để lại sợi dọc qua suốt quá trình dệt thường được củng cố lại bằng cách khâu.

Những loại thảm như vậy bao gồm loại Gobelins, Flanders, Aubusson hoặc Beauvais.

Những thảm được sản xuất bằng máy (trên một máy Jacquard hoặc trên một máy dệt tương tự) làm giả như thảm dệt bằng tay này thường là những tấm vải có sợi dọc và ngang và trong những tấm vải này, các sợi ngang màu sắc chạy từ đường biên này tới đường biên khác và những loại thảm này được phân loại như vải **dệt thoi** trong các nhóm tương ứng hoặc như **sản phẩm đã hoàn thiện** tùy từng trường hợp.

(B) THẨM TRANG TRÍ THÊU TAY

Thảm trang trí thêu tay (cũng được coi như thảm đính) được phân biệt bằng việc các loại thảm này được làm với một tấm vải nền (thường là loại vải không thấm nước có mắt lưới hình vuông), trên đó mẫu thiết kế như mong muốn được điền đầy bằng việc sử dụng kim cùng với nhiều loại sợi có nhiều màu sắc khác nhau.

Thảm trang trí thêu tay đôi khi được làm rất công phu bằng các mũi thêu nhưng vẫn ở trong nhóm này và không được xem như đồ thêu.

Trái với phần lớn các đồ thêu thuộc **nhóm 58.10**, vải nền (thường là vải không thấm nước) được bao phủ toàn bộ trừ phần biên. Các mũi thêu đã sử dụng được đặt tên theo cách khác nhau theo lối mà chúng được thực hiện: mũi khâu đơn nhỏ, mũi khâu thô, mũi thêu chữ thập, mũi thêu chữ thập kép, mũi thêu Gobelins,....

o
o o

Loại thảm này được sử dụng chủ yếu cho các mục đích trang trí, các bức treo tường hoặc các ghế đệm., và chúng thường được làm bằng tơ, lông cừu, các loại sợi nhân tạo hoặc thậm chí bằng sợi trộn kim loại.

needle-worked on a ground fabric (usually canvas). Then essential characteristic is that they are made in the form of panels bearing a complete, individual design, frequently of a pictorial character.

(A) HAND-WOVEN TAPESTRIES

Hand-woven tapestries are produced by stretching warp threads on a weaving loom and interlacing weft threads of different colours which cover the warp, produce the designs and also form the woven fabric.

Contrary to the procedure used for ordinary warp and weft fabrics the different coloured weft threads are no longer than are needed to produce the design, so that in general these weft threads do not cross the whole width of the fabric; thus along each line of weft the warp threads are covered by a succession of different coloured weft threads, the loose ends of the weft threads appearing on the reverse of the design. Unwoven gaps left in the warp through this method of weaving are usually reinforced by sewing.

Such tapestries include the types Gobelins, Flanders, Aubusson or Beauvais.

Tapestries produced by machine (on a Jacquard or similar loom) in imitation of these hand-woven tapestries are normal warp and weft fabrics in which the coloured weft threads run from one selvedge to the other, and are classified as **woven fabrics** in their relative headings or as **made up articles** as the case may be.

(B) NEEDLE-WORKED TAPESTRIES

Needle-worked tapestries (also known as point tapestries) are characterised by the fact that they are made with a fabric ground (usually square meshed canvas), on which the desired design is filled in by needle-work using a great many different coloured threads.

Needle-worked tapestries are sometimes over-worked with further stitches but remain in this heading and are **not** regarded as embroidery.

Contrary to the case of most embroideries of **heading 58.10**, the ground fabric (usually canvas) is completely covered except perhaps at the edges. The stitches used are differently named according to the way in which they are executed: petit point, gros point, cross stitch, double cross stitch, Gobelins stitch, etc.

o
o o

Tapestries are used mainly for furnishing purposes, as wall coverings or for upholstering chairs, etc., and are usually made of silk, wool, man-made fibres or even metallised yarn.

Những loại sợi này vẫn thuộc nhóm này thậm chí chúng được viền, ngăn cách, lót... nhưng nếu chúng đã được làm thành sản phẩm như túi xách tay, đệm, giày dép,... thì **bị loại trừ**.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Thảm Kenlem, Schumacks, Karamanie và các loại thảm tương tự (**nhóm 57.02**).
- (b) Các bộ gồm có vải dệt thoi và các loại sợi để tạo nên các tấm thảm trang trí (**nhóm 63.08**).
- (c) Các loại thảm có tuổi quá 100 năm (**Chương 97**).

58.06 - Vải dệt thoi khổ hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khổ hẹp gồm toàn sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs).

5806.10 - Vải dệt thoi nổi vòng (kể cả vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt nổi vòng tương tự) và vải dệt từ sợi sonin (chenille).

5806.20 - Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng:

- Vải dệt thoi khác:

5806.31 - - Từ bông

5806.32 - - Từ xơ nhân tạo

5806.39 - - Từ các vật liệu dệt khác

5806.40 - Các loại vải dệt chỉ có sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs)

(A) VẢI DỆT KHỔ HẸP

Theo Chú giải 5 thuộc Chương này nhóm này gồm các sản phẩm như **vải dệt khổ hẹp**:

(1) Các dải vải có sợi ngang và sợi dọc với chiều rộng không vượt quá 30cm, với điều kiện các đường viền (hình dệt hoặc hình ống) ở cả hai đường biên. Những sản phẩm này được sản xuất trên các máy dệt có cuộn chỉ, đặc biệt, các cuộn chỉ được sản xuất đồng thời; trong một số trường hợp, các cuộn chỉ được dệt bằng các đường biên lượn sóng trên một hoặc cả hai mặt.

(2) Các dải có bề rộng không 30cm, cắt từ các cuộn vải rộng hơn có sợi ngang và sợi dọc (hoặc cắt theo chiều dọc hoặc chéo) và có các đường viền lệch trên cả 2 đường biên, hoặc một đường viền dệt thông thường trên một đường biên và một đường viền lệch trên một đường biên khác. Các đường viền lệch được thiết kế để ngăn sự xô chi của một tấm vải khi cắt (hoặc rạch), ví dụ có thể gồm có 1 loạt các mũi khâu quần (gauze stitch) được dệt thành tấm vải lớn hơn trước khi cắt (hoặc rạch), thuộc một mép rìa đơn giản, hoặc chúng có thể được sản xuất bằng cách dán keo lên các đường biên của dải, hoặc bằng cách kết hợp đường biên của các ruy băng làm từ sợi nhân tạo. Các đường viền cũng được tạo ra khi một tấm vải được xử lý trước khi cắt tấm vải thành các dải,

They remain in this heading even if hemmed, bordered, lined, etc., but if made up into articles such as evening handbags, cushions, slippers, etc., they are, of course, **excluded**.

The heading also **excludes**:

- (a) Kelem, Schumacks, Karamanie and similar mgs (**heading 57.02**).
- (b) Sets consisting of woven fabric and yarn for making up into tapestries (**heading 63.08**).
- (c) Tapestries of an age exceeding one hundred years (**Chapter 97**).

58.06 - Narrow woven fabrics, other than goods of heading 58.07; narrow fabrics consisting of warp without weft assembled by means of an adhesive (bolducs).

5806.10 - Woven pile fabrics (including terry towelling and similar terry fabrics) and chenille fabrics

5806.20 - Other woven fabrics, containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn or rubber thread

- Other woven fabrics :

5806.31 - - Of cotton

5806.32 - - Of man-made fibres

5806.39 - - Of other textile materials

5806.40 - Fabrics consisting of warp without weft assembled by means of an adhesive (bolducs)

(A) NARROW WOVEN FABRICS

In accordance with Note 5 to this Chapter, this heading includes as **narrow woven fabrics**:

(1) Warp and weft fabrics in strips of a width not exceeding 30 cm, provided with selvedges (flat or tubular) on both edges. These articles are produced on special ribbon looms several ribbons often being produced simultaneously; in some cases the ribbons may be woven with wavy edges on one or both sides.

(2) Strips of a width not exceeding 30 cm, cut (or slit) from wider pieces of warp and weft fabric (whether cut (or slit) longitudinally or on the cross) and provided with false selvedges on both edges, or a normal woven selvedge on one edge and a false selvedge on the other. False selvedges are designed to prevent unravelling of a piece of cut (or slit) fabric and may, for example, consist of a row of gauze stitches woven into the wider fabric before cutting (or slitting), of a simple hem, or they may be produced by gumming the edges of strips, or by fusing the edges in the case of certain ribbons of man-made fibres. They may also be created when a fabric is treated before it is cut into strips in a manner that prevents the edges of those strips from unravelling. No demarcation between the narrow fabric and its false

bằng cách đó ngăn các đường biên của những dải này không sổ sợi được. Hiển nhiên trong trường hợp đó không có sự phân loại giữa vải khổ hẹp và các đường viền lệch của nó. Các dải được cắt ra từ tấm vải nhưng chưa có một đường viền thẳng hoặc lệch, trên mỗi đường biên, thì **bị loại trừ** khỏi nhóm này và được phân loại với các loại vải dệt thoi thông thường. (Đối với vải cắt chéo, xem đoạn 4 dưới đây).

(3) Vải có các sợi ngang và dọc có hình ống liền mạch và có bề rộng khi được làm phẳng không vượt quá 30cm. Tuy nhiên, các tấm vải có các dải với các biên vải được nối lại với nhau tạo thành một hình ống (bằng cách may, dán keo hoặc các cách khác) **bị loại trừ** ra khỏi nhóm này.

(4) Vải cắt chéo gồm có các dải, với các mép gấp, có chiều rộng khi chưa gấp không quá 30cm, được cắt viền trên những điểm giao của vải sợi dọc và sợi ngang. Vì thế, những sản phẩm này được cắt từ những tấm vải rộng và không được cung cấp bằng một đường viền xiên hoặc thẳng.

Các sản phẩm nói trên gồm có cả những ray băng và vải làm đai cũng như các dải trang sức có đặc điểm của các vải ruy băng dệt thoi.

Ruy băng thường làm từ tơ, lông cừu, bông, hoặc xơ nhân tạo, có hay không có sợi đàn hồi hoặc sợi cao su, và chúng sử dụng để sản xuất quần áo lót, quần áo phụ nữ, trong sản xuất mũ và cổ áo có trang trí, cuông huân chương, chất liệu trong trang trí, đồ trang trí nội thất, vv...

Nhóm này cũng bao gồm vải dệt khổ khổ hẹp được làm từ sợi kim loại với điều kiện loại vải này dùng cho may mặc, trang trí nội thất hoặc các mục đích tương tự khác (xem phần Chú giải 7 của Chương này).

Các dải trang sức được phân loại ở đây là các dải ruy-băng hẹp; vải làm đai thường là vải dệt thoi dày, chắc, hẹp, thường làm từ bông, lanh, đay, để làm yên cương ngựa, để sản xuất dây đai, thắt lưng, dây bảo hiểm, vv...

Nhóm này cũng bao gồm những loại vải làm rèm, chứa hai dải được nối liền với nhau tại những khoảng cách vừa phải bằng các đường chỉ nhỏ, toàn bộ những dải này thu được bởi một quá trình dệt đơn liên tục.

Các mặt hàng được đưa ra trong nhóm này thường là những mặt hàng được dệt giống như cách dệt các loại vải thuộc Chương 50 đến 55 hoặc thuộc **nhóm 58.01** (các loại vải nhung), và các mặt hàng hoàn chỉnh khác bằng các loại vải này đã được đề cập đến trong các đoạn (1) đến (4) trên đây.

Các sản phẩm này vẫn được phân loại ở nhóm này khi đã được tẩm nước (“moiré”), phủ hồ, in, vv...

(B) CÁC DÂY BUỘC

Nhóm này cũng gồm có các loại vải dệt khổ hẹp (các dây buộc) có khổ rộng từ vài mm đến 1 cm, bao gồm sợi dọc (những sợi song song, sợi monofilament hoặc sợi dệt) không có sợi ngang nhưng được liên kết với

selvedges need be evident in that case. Strips cut (or slit) from fabric but not provided with a selvedge, either real or false, on each edge, are **excluded** from this heading and classified with ordinary woven fabrics. (As regards bias binding, see paragraph (4) below.)

(3) Seamless tubular warp and weft fabrics, of a width when flattened, not exceeding 30 cm. Fabrics consisting of strips with the edges joined to form a tube (by sewing, gumming or otherwise) are, however, **excluded** from this heading.

(4) Bias binding consisting of strips, with folded edges, of a width, when unfolded, not exceeding 30 cm, cut on the cross from warp and weft fabrics. These products are cut from wide fabrics and not provided, therefore, with a selvedge, either real or false.

The products referred to above include both ribbons and webbing as well as certain galloons having the characteristics of woven ribbons.

Ribbons are usually of silk, wool, cotton or man-made fibres, whether or not containing elastomeric yarn or rubber thread, and are used in underwear, in women's apparel, in the manufacture of hats and fancy collars, as medal ribbons, as a decorative binding material, in furnishing, etc.

The heading also includes narrow woven fabrics made from metal thread provided such fabrics are clearly of a kind used for apparel, furnishing or similar purposes (see Chapter Note 7).

The galloons classified here are narrow ribbons; webbings are thick, strong, narrow woven fabrics, usually of cotton, flax, hemp or jute, used in saddlery, harness-making, for the manufacture of straps, belting or waist bands, chair seats, etc.

The heading also includes webbing for blinds, consisting of two tapes connected at regular intervals by narrow bands, the whole being obtained by a single, continuous weaving operation.

The goods covered by this heading are usually woven with the same weaves as the fabrics of Chapters 50 to 55 or heading **58.01** (velvets), and they differ from these fabrics only as regards the criteria referred to in paragraphs (1) to (4) above.

These products remain classified here when watered (“moiré”), embossed, printed, etc.

(B) BOLDUCS

This heading also covers narrow fabrics (**bolducs**) of a width usually ranging from a few mm to 1 cm, consisting of warp (parallelised yarns, monofilaments or textile fibres) without weft but assembled by means of

nhau bằng một chất kết dính. Những loại vải này chủ yếu được sử dụng để buộc những gói đồ, một số được sử dụng để làm đồ phụ kiện cho mũ phụ nữ.

Đôi khi chúng mang tên thương mại của người sử dụng được in với những khoảng cách đều nhau. Điều này không ảnh hưởng đến việc phân loại của chúng.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Băng dính trong y tế, đã tẩm thuốc hoặc đã đóng gói hoặc đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).

(b) Vải dệt khổ hẹp với các đường viền dệt, các đồ trang trí bằng vải và các dải tết (**nhóm 58.08**).

(c) Vải dệt khổ hẹp được đề cập chi tiết hơn ở các nhóm khác, những loại vải này có đặc điểm:

(1) Các loại nhãn dệt, phù hiệu dệt và các sản phẩm tương tự dạng dải (**nhóm 58.07 hoặc 58.08**).

(2) Các loại bắc đèn, lò, bật lửa, nến hoặc các loại tương tự (**nhóm 59.08**).

(3) Các loại ống dẫn bằng hàng dệt, hoặc các loại ống tương tự (**nhóm 59.09**).

(4) Băng tải hoặc băng truyền hoặc băng đai (**nhóm 59.10**).

(d) Các loại vải dệt thoi khổ hẹp đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **Chương 59**, đặc biệt các loại vải dệt khổ hẹp làm từ vải nhung được ngâm tẩm cao su, để phủ con suốt (trục dệt) (**nhóm 59.11**).

(e) Vải dệt thoi khổ hẹp (trừ những loại đã đề cập ở các Phần (A) (2) trên) được làm theo phương pháp mô tả tại Phần (II) của Chú giải tổng quát của Phần XI.

(f) Khóa kéo (**nhóm 96.07**) và các móc, mắt cài khóa hoặc các bấm, làm từ kim loại thường, đã cố định tại các khoảng trên dải, với điều kiện các móc và các khóa hoặc các bấm khác làm cho các mặt hàng có đặc tính riêng (**nhóm 83.08 hoặc 96.06** tùy từng trường hợp cụ thể).

(g) Ruy băng đánh máy chữ (**nhóm 96.12**).

58.07 - Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự từ vật liệu dệt, dạng chiếc, dạng dải hoặc đã cắt thành hình hoặc kích cỡ, không thêu.

5807.10 - Dệt thoi

5807.90 - Loại khác

Theo các điều kiện được nêu dưới đây, nhóm này bao gồm:

(A) **Các loại nhãn mác làm từ nguyên liệu dệt bất kỳ** (kể cả hàng dệt kim). Các loại nhãn này bao gồm những loại nhãn được sử dụng để gắn lên quần áo, đồ gia dụng bằng lanh, đệm, lều, các loại đồ chơi mềm của trẻ em, hoặc các loại hàng khác. Chúng là những nhãn hiệu hữu dụng mang các dòng chữ (câu khắc) hoặc các hoa văn riêng biệt. Những loại nhãn như vậy gồm có các nhãn hiệu thương mại có tên thương mại hoặc tên thương mại của các nhà sản xuất hoặc

an adhesive. These are mainly used for tying parcels; some are used for making millinery plaits.

They sometimes bear the trade name of the user printed at regular intervals. This does not affect their classification.

This heading **excludes**:

(a) Bandages, medicated or put up in forms or packings for retail sale (**heading 30.05**).

(b) Narrow woven fabrics with woven fringes, braided galloons and braids (**heading 58.08**).

(c) Narrow woven fabrics more specifically covered by other headings, e.g., those having the character of:

(1) Woven labels, badges and similar articles, in strips (**heading 58.07 or 58.10**).

(2) Wicks for lamps, stoves, lighters, candles or the like (**heading 59.08**).

(3) Textile hosepiping or similar tubing (**heading 59.09**).

(4) Transmission or conveyor belts or belting of **heading 59.10**

(d) Impregnated, coated, covered or laminated narrow woven fabrics of **Chapter 59**, in particular narrow woven fabrics made of velvet impregnated with rubber, for covering weaving spindles (weaving beams) (**heading 59.11**).

(e) Narrow woven fabrics (other than those referred to at Part (A) (2) above) made up as described in Part (II) of the General Explanatory Note to Section XI.

(f) Slide fasteners (**heading 96.07**) and hooks and eyes or press fasteners, of base metal, fixed at intervals on tape, provided that the hooks and eyes or press fasteners give the goods their essential character (**heading 83.08 or 96.06** as the case may be).

(g) Typewriter ribbons (**heading 96.12**).

58.07 “ Labels, badges and similar articles of textile materials, in the piece, in strips or cut to shape or size, not embroidered.

5807.10 - Woven

5807.90 - Other

Subject to the conditions specified below this heading covers:

(A) **Labels of any textile material** (including knitted). These include labels of a kind used for marking wearing apparel, household linen, mattresses, tents, soft toys, or other goods. They are utilitarian labels bearing individual inscriptions or motifs. Such labels include, *inter alia*, commercial labels bearing the trade name or trade mark of the manufacturer or the nature of the constituent textile (“ silk”, “ viscose rayon”, etc.) and labels used by private individuals (boarding school

bản chất của nguyên liệu dệt được sử dụng ("tơ", "viscorayon"...) và các loại nhãn được dùng cho các cá nhân (phù hiệu học sinh, lính...) để xác định nhân thân của họ; các loại nhãn cá nhân đôi khi có tên họ viết tắt, các con số hoặc đôi khi bao gồm một khoảng trống để lưu in chữ viết tay.

(B) Phù hiệu và các sản phẩm tương tự làm từ những vật liệu dệt bất kỳ (kể cả hàng dệt kim). Loại này gồm có các nhãn hiệu, biểu tượng, "phù hiệu"... thuộc loại thông thường để khâu dán lên phía ngoài các loại quần áo (phù hiệu thể thao, quân đội, phù hiệu địa phương hoặc phù hiệu quốc gia,... các loại phù hiệu mang tên của các hội thanh niên, những phù hiệu của các thủy thủ mang tên của các con tàu...).

Các loại nêu trên chỉ được phân loại trong nhóm này **khi** chúng có đầy đủ các điều kiện sau:

(1) Chúng không là hàng thêu. Các dòng chữ (câu khắc) hoặc các hoa văn trên các loại nhãn, phù hiệu được phân loại ở đây phần lớn được sản xuất bằng việc dệt (thường là dệt nổi (broché) hoặc in ấn.

(2) Chúng ở dạng chiếc, dạng dải (thông thường là ở dạng dải) hoặc thành các phần mảnh riêng biệt được sản xuất bằng việc cắt thành cỡ hoặc theo hình dạng nhưng không được chế tạo, sản xuất bằng cách khác.

Nhóm này không có các loại nhãn, phù hiệu và các loại tương tự, đã được thêu (**nhóm 58.10**) hoặc sản xuất bằng các phương thức khác ngoài cách cắt thành cỡ hoặc thành hình dạng (**nhóm 61.17, 62.17 hoặc 63.07**).

58.08 - Các dải bện dạng chiếc; dải, mảnh trang trí dạng chiếc, không thêu, trừ loại dệt kim hoặc móc; tua, ngù và các mặt hàng tương tự.

5808.10 - Các dải bện dạng chiếc

5808.90 - Loại khác

(A) CÁC DẢI BỆN DẠNG CHIẾC; DẢI, MẢNH TRANG TRÍ DẠNG CHIẾC, KHÔNG THÊU, TRỪ CÁC LOẠI DỆT KIM HOẶC MÓC

Ngoài các loại dải bện, phần (A) của nhóm này gồm có nhiều sản phẩm khác nhau về chiều dài, được thiết kế để trang hoàng hoặc trang trí các loại quần áo (ví dụ như quần áo phụ nữ, trang phục quân đội, trang phục lễ hội cho các giáo sĩ, trang phục sân khấu) hoặc các loại trang trí nội thất (kể cả đồ trang trí tàu thuyền hoặc xe cộ).

Chúng có thể được gắn các móc, khóa, lỗ khâu, dây và các sản phẩm bổ trợ tương tự, với điều kiện đặc điểm các loại hàng thành phẩm của chúng không bị ảnh hưởng; chúng được trang trí bằng các đồng Sêquyn, các chuỗi hạt, và các phụ kiện tương tự, miễn là những loại này không được gắn bằng kỹ thuật gắn hình (appliqué work) mà với kỹ thuật này chúng được phân loại như hàng thêu thuộc **nhóm 58.10**.

Các sản phẩm được phân loại vào nhóm này gồm có :

pupils, soldiers, etc.) to identify their personal property; the latter variety sometimes bear initials or figures or comprise sometimes a framed space to take a hand-written inscription.

(B) Badges and similar articles of any textile material (including knitted). This category includes badges, emblems, "flashes", etc., of a kind normally sewn to the outer part of wearing apparel (sporting, military, local or national badges, etc., badges bearing the names of youth associations, sailors' cap badges with the name of a ship, etc.).

The above articles are classified in this heading **only** if they fulfil the following conditions:

(1) They must not be embroidery. The inscriptions or motifs on the articles classified here are generally produced by weaving (usually broché work) or by printing.

(2) They must be in the piece, in strips (as is usually the case) or in separate units obtained by cutting to size or shape but must not be otherwise made up.

This heading does not include labels, badges and similar articles, which have been embroidered (**heading 58.10**) or made up otherwise than by cutting to shape or size (**heading 61.17, 62.17 or 63.07**).

58.08 - Braids in the piece; ornamental trimmings in the piece, without embroidery, other than knitted or crocheted; tassels, pompons and similar articles.

5808.10 - Braids in the piece

5808.90 - Other

(A) BRAIDS IN THE PIECE; ORNAMENTAL TRIMMINGS IN THE PIECE, WITHOUT EMBROIDERY, OTHER THAN KNITTED OR CROCHETED

In addition to braids, this part of the heading covers a variety of products in the length, designed for the ornamentation or decoration of articles of apparel (e.g., ladies' garments, military uniforms, ecclesiastical vestments, theatrical costumes) or of furnishing articles (including furnishings for ships or vehicles).

They may be fitted with hooks, clasps, eyelets, rings and the like of purely accessory nature, **provided** their character as piece goods is not affected; they may also be trimmed with sequins, beads and similar accessories, **provided** these are not attached by sewn applique work in which case they are classified as embroidery in **heading 58.10**.

The products classified here include :

(1) Các dải bện hình dệt hoặc hình ống.

Các dải này thu được bằng cách đan chéo các sợi, hoặc sợi monofilament, mảnh và các loại tương tự thuộc Chương 54. Đối với các dải bện hình dệt, các sợi chỉ chạy chéo từ một mép biên này đến một mép biên khác theo hình zig-zag hoặc kiểu phức tạp hơn, trái lại, các dải bện hình ống có các sợi chỉ chạy theo đường xoắn ốc; trong cả hai trường hợp một nửa số sợi chạy theo một hướng và nửa còn lại chạy theo hướng khác và kết lại theo một kiểu cố sẵn, kiểu cố sẵn này thường rất đơn giản. Trong một số loại dải bện, các sợi phụ có thể được kết lại với nhau theo chiều dài của tấm vải hoặc giữ các biên vải, hoặc được đặt ở phần nối tiếp để sản xuất các kiểu mẫu.

Các loại dải bện được sản xuất bằng một loại máy đặc biệt gọi là máy tết băng vải hoặc máy có các suốt chỉ.

Sự đa dạng của dải bện kể cả dây buộc (ví dụ dây buộc giày hoặc ủng), các dây viền, các dải trang trí, các dây thùng trang trí, các dải trang sức bện,... Dải bện hình ống có thể có một lõi dệt.

Dải bện được sử dụng để làm đường viền trang trí cho một số loại quần áo (ví dụ dây viền trang trí) hoặc các đồ trang trí nội thất (dây buộc rèm), các vỏ bọc ngoài dây điện, một số loại dây buộc giày nhất định hoặc các dây buộc áo choàng hay bộ trang phục hoặc các dây đai lưng của bộ áo choàng (của giáo sư đại học hoặc của quan tòa)...

Các loại vải bện như vậy khác với các loại sản phẩm được tết hoặc bện thuộc nhóm 56.07 căn cứ vào các nếp gấp của nó lỏng và cấu trúc của nó cũng kém chặt chẽ hơn.

Tuy vậy, nói chung nhóm này **loại trừ** các loại vải bện được nêu cụ thể hơn ở các nhóm hàng khác và cụ thể:

(a) Dải bện làm từ sợi monofilament có diện tích mặt cắt ngang trên 1 mm hoặc làm từ dải và các dạng tương tự độ rộng trên 5mm bằng plastic hoặc làm từ vật liệu tết bện khác (**nhóm 46.01**).

(b) Dây xe, chèo bện, dây thùng, dây cáp và chỉ giả catgut được tết bện thuộc nhóm **56.07**.

(c) Các loại bấc dùng cho các loại đèn, các loại lò, các loại bật lửa, các loại nến hoặc những loại tương tự (nhóm 59.08).

(d) Ống dẫn và các loại ống tương tự (**nhóm 59.09**).

(e) Băng tải, băng truyền hoặc các loại băng đai thuộc **nhóm 59.10**.

(f) Các loại sản phẩm dùng trong kỹ thuật thuộc **nhóm 59.11** (ví dụ: các loại dây được sử dụng trong công nghiệp như là vật liệu bôi trơn hoặc đóng gói).

(g) Khóa kéo (**nhóm 96.07**), và móc, mắt cài khóa hoặc các bấm nén, bằng kim loại thường, cố định tại các khoảng trên dải bện, miễn là các móc và mắt khóa và bấm nén tạo nên đặc điểm cơ bản cho các sản phẩm (**nhóm 83.08** hoặc **96.06** tùy từng trường hợp).

(1) Flat or tubular braids.

These are obtained by interlacing diagonally yarns, or the monofilament, strip and the like of Chapter 54. In flat braid the threads run diagonally from one edge to the other in a zig-zag or more complex fashion, whereas in tubular braid they run spirally; in both cases half of the threads run in one direction and half in the other and interlace according to a fixed pattern which is usually quite simple. In some braids extra threads may be interlaced along the length of the fabric either to give firmness to the edge, or in any ordered sequence to produce pattern effects.

Braid is made on special machines known as braiding or spindle machines.

Varieties of braid include lacing (e.g., for boot or shoe laces), piping, soutache, ornamental cords, braided galloons, etc. Tubular braid may have a textile core.

Braid is used for edging or ornamenting certain articles of apparel (e.g., decorative trim and piping) or furnishing articles (e.g., tiebacks for curtains), as sheathing for electrical wiring, for the manufacture of certain shoes laces, anorak or track suit cords, cord belts for dressing gowns, etc.

Such braid differs from the plaited or braided articles of heading 56.07 on account of its looser plaiting and less compact structure.

However, the heading **excludes** braids more specifically covered by other headings and, in particular :

(a) Braids made with monofilament of which any cross-sectional dimension exceeds 1 mm or with strip and the like of a width exceeding 5 mm, of plastics or with other plaiting materials (**heading 46.01**).

(b) Twine, cordage, rope, cables and braided imitation catgut of **heading 56.07**.

(c) Braided wicks for lamps, stoves, lighters, candles or the like (**heading 59.08**).

(d) Hosepiping and similar tubing (**heading 59.09**).

(e) Transmission or conveyor belts or belting of **heading 59.10**.

(f) Articles for technical uses, of **heading 59.11** (e.g., braids of a kind used in industry as packing or lubricating material).

(g) Slide fasteners (**heading 96.07**) and hooks, eyes and press fasteners, of base metal, fixed at intervals on braided tape, provided that the hooks and eyes and press fasteners give the goods their essential character (**heading 83.08** or **96.06** as the case may be).

(2) Dây thừng milan và dây thừng tương tự:

Các loại này là các sản phẩm dải viền giống như sợi được nẹp viền nhưng có lõi dày hơn gồm có một bó sợi hoặc các sợi dệt thô mà các sợi dệt thô này được xoắn trong suốt quá trình nẹp viền. Thường thì chúng được làm thành dải bằng các loại sợi đã được xe chặt. Chúng được phân loại ở đây theo chiều dài và được sử dụng như các đồ trang trí có sẵn, để cho việc sản xuất các loại đai trang sức, kéo màn cửa...

Nhóm này **loại trừ** các sợi kim loại được phủ bằng các nguyên liệu dệt, ví dụ:

(a) Dây sắt hoặc thép dùng cho việc sản xuất khung mũ (dây thép của người làm nón mũ) và cuống bằng dây thép hoặc sắt dùng làm hoa giả hoặc làm dụng cụ uốn tóc (**nhóm 72.17**).

(b) Dây điện cách điện (**nhóm 85.44**)

(3) Vải dệt thoi khổ hẹp với các tua (đã rạch hoặc đã cắt) được dệt thành mép của chúng.

Những sản phẩm này được sản xuất trên các máy dệt ruy băng, việc bố trí trên các biên vải được sản xuất bằng các thao tác bằng tay từ sợi ngang hoặc bằng cách sử dụng các sợi dọc thô lỏng được xem như roquetins.

Trong trường hợp đầu tiên, sợi ngang không tạo thành một đường viền với 2 sợi chỉ dọc ngoài nhưng lại trải ra vượt quá 2 sợi dọc để tạo thành các móc; những cái móc này có được bằng cách đưa các sợi ngang quay quanh hai hoặc nhiều sợi kim loại trên máy dệt, sợi này song song đối với sợi dọc và được rút đi một khi tấm vải được hoàn tất.

Trong trường hợp thứ hai, các sợi thớ nhão được kết hợp chặt chẽ tạo thành đường viền tại các khoản bằng các sợi ngang nhất định - trong khi các dây giữ sợi này từ tấm vải tại các khu vực đan xen, vì thế tạo thành các móc.

Các móc được sản xuất bằng những quá trình này có thể có khoảng cách rộng hơn hoặc kém rộng hơn và đặt cách nhau với độ rộng đều nhau hay không đều nhau. Đôi khi chúng bị cắt để tạo thành một đường biên có tua, đường biên có tua này sau đó có thể được thắt nút lại hoặc được trang trí với những nún tua, các ngù,...

Những loại vải dệt thoi khổ hẹp này được sử dụng chủ yếu cho việc trang trí nội thất hoặc các loại quần áo.

Các loại ruy băng hoặc viền và ruy băng răng cưa không được xếp tại nhóm này (**nhóm 58.06**).

(4) Các dải trang trí thành phẩm khác ở dạng chiéc. Nhóm này cũng bao gồm nhiều sản phẩm có bề rộng, hẹp khác nhau có độ dài phù hợp để sử dụng trang trí quần áo, trang trí nội thất,...

Những loại sản phẩm này thường được sản xuất từ ruy băng hoặc các loại băng, dải, viền hoặc các sản phẩm khác đã nêu trên. Chúng có thể được làm bằng việc may hoặc bằng cách khác, hoặc bằng cách lắp ghép hai hoặc nhiều loại ruy băng và dải với nhau để

(2) Milanaise and similar cord.

These are gimped products similar to gimped yarn but with a thicker core composed of a bundle of threads or textile rovings which are twisted during the gimping process. Often they are gimped with yarns already themselves gimped. They are classified here when in the length and are used as ornamentation in made up articles, for manufacturing dressing gown girdles, curtain pulls, etc.

This group **excludes** metal wire covered with textile material, e.g.:

(a) Iron or steel wire for the manufacture of hat frames (milliners' wire) and stems of iron or steel wire for artificial flowers or hair curlers (**heading 72.17**).

(b) Insulated electric wire (**heading 85.44**).

(3) Narrow woven fabrics with fringes (looped or cut) woven into their edges.

These products are produced on ribbon looms, the trimming on the edges being produced by manipulation of the weft, or by the use of slack coarse warp yarns known as roquetins.

In the first case the weft does not form a selvedge with the two outer warp threads but extends beyond them to form loops; these loops are obtained by passing the weft threads round two or more strands of wire placed on the loom parallel to the warp and removed once the fabric is completed.

In the second case, slack coarse yarns are incorporated into the selvedge at intervals by certain weft threads, while wires hold them from the fabric at the intervening sections, thus forming loops.

The loops produced by these processes may be more or less widely spaced and at regular or irregular intervals. Sometimes they are cut to form a fringed edge which may subsequently be knotted or adorned with tassels, pompons, etc.

These narrow woven fabrics are chiefly used for bordering or ornamenting furnishings or articles of apparel.

Picot or purl edged ribbons and rat tooth ribbons are **excluded (heading 58.06)**.

(4) **Other ornamental trimmings in the piece.** The heading also covers a variety of miscellaneous narrow width products in the length suitable for use in the ornamentation of apparel, furnishings, etc.

These are usually produced from ribbons or braids or the other products referred to above. They may be made by sewing or otherwise working one such product, or by assembling two or more of them together in an ornamental manner (e.g., ribbons or braids with

tạo trang trí (ví dụ: các ruy băng hoặc các dải có các đồ trang trí hoặc dải trang trí hoặc các dải trang điểm; các dải ruy băng hoặc các băng, dải viền cùng với các quả tua hoặc các đồ trang trí khác được lồng vào tại các khoảng cách dọc theo chiều dài, trừ bằng kỹ thuật thêu.

Nhóm này **không bao gồm** các dải trang trí bằng dệt kim hoặc móc thuộc các **nhóm từ 60.02 đến 60.06**.

(B) TUA, NGŨ VÀ CÁC MẶT HÀNG TƯƠNG TỰ

Không giống như các sản phẩm của phần (A) trên, các sản phẩm này là các sản phẩm đơn chiếc độc lập và bao gồm các tua, ngũ trang trí đủ các cỡ và các hình dạng và các đầu trang trí cho các dải trang trí nội thất...ví dụ:

(1) **Các lõi** (bằng gỗ hoặc các vật liệu khác) được bao bọc bằng các sợi dệt có các đầu mút đôi khi được treo lơ lửng - nhiều loại được xếp gọn nhiều loại được trang trí với các dây đăng ten hoặc với nhiều nùm trang trí.

(2) **Các bó đơn giản của sợi dệt** được gấp hoặc buộc bằng các đầu mút treo lỏng.

(3) **Các lõi có màu ôliu hoặc lõi hình quả** (bằng gỗ, bằng giấy,...) được bọc bằng các chất liệu dệt, đôi khi bằng một lõi mở cho phép dễ sử dụng như một vòng trượt.

(4) Ngũ gồm các sợi ngắn được đan với nhau một cách chắc chắn ở giữa và các sợi chĩa ra mọi hướng.

Tất cả những loại này có thể được lắp một cái móc nhằm để gắn; chúng được dùng chủ yếu để trang trí nội thất nhưng cũng dùng trong may mặc. Chúng có đặc điểm trang trí nổi trội hơn.

Nhóm này **không bao gồm** các loại đồ trang trí riêng biệt trừ những loại đã nêu trên.

Nơ hoa hồng làm bằng các loại dải và dải trang trí thuộc mục này được phân loại trong **nhóm 62.17** hoặc **63.07**. Các loại quai đeo lưng, cầu vai và các loại dây buộc làm từ dải bên và dải trang trí được phân loại ở nhóm **62.17** và các dây giày, dây coocxê,... từ các chất liệu này, có các đầu mút được bện với nhau hoặc được xử lý cách khác để ngăn sờ sợi, cũng như các thắt nút (swordknot) làm bằng những chất liệu này được phân loại ở **nhóm 63.07**.

Rất nhiều vật liệu được sử dụng trong việc sản xuất các loại sản phẩm thuộc nhóm này. Các vật liệu bao gồm tơ, lông cừu, lông động vật mịn, bông, sợi lanh, sợi nhân tạo và sợi trộn kim loại.

Bên cạnh các loại trừ nêu trên, nhóm này **không bao gồm** các dải trang trí là các dải dệt thoi đơn giản như nêu tại định nghĩa về vải dệt thoi khổ hẹp (**nhóm 58.06**).

58.09 - Vải dệt thoi từ sợi kim loại và vải dệt thoi từ sợi trộn kim loại thuộc nhóm 56.05, sử dụng để trang trí, như các loại vải trang trí nội thất hoặc cho các mục đích tương tự, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.

ornamental borders or galloons or soutache braid; ribbons or braids with tassels or other ornamental effects inserted at intervals along the length, other than by appliqué embroidery work.

The heading **does not cover** knitted or crocheted ornamental trimmings of **headings 60.02 to 60.06**.

(B) TASSELS, POMPONS AND SIMILAR ARTICLES

Unlike the products of Part (A) above, these are separate individual articles and include tassels of all sizes and shapes and ornamental ends for furnishing cords, etc., for example :

(1) **Cores** (of wood or other material) covered with textile threads with the ends of these threads sometimes left hanging - large varieties may be trimmed with lace or with rows of small tassels.

2) **Simple bundles of textile threads** folded or bound with the ends hanging loose.

(3) **Olive or nut-shaped cores** (of wood, paper, etc.) covered with textile material, sometimes with an open core allowing for use as a sliding ring.

(4) **Pompons**, i.e., short threads secured together in the middle and fluffed out in all directions.

All these articles may be provided with a loop for attachment purposes; they are of general use mainly in furnishing but also to a lesser extent for clothing. They are predominantly ornamental in character.

The heading **does not cover** individual articles other than those mentioned above.

Rosettes made of the braids and trimmings of this heading are classified in **heading 62.17** or **63.07**. Frogs, epaulettes and lanyards of the same materials are classified in **heading 62.17**, and shoe laces, corset laces, etc., of those materials, with their ends spliced or otherwise treated to prevent unravelling, as well as swordknots made of those materials, are classified in **heading 63.07**.

The textile materials used in making the products of this heading are very varied. They include silk, wool, fine animal hair, cotton, flax, man-made fibres and metallised yarn.

In addition to the exclusions already mentioned, the heading does not include galloons and other trimmings which are simple woven strips corresponding to the definition of narrow woven fabrics (**heading 58.06**).

58.09 - Woven fabrics of metal thread and woven fabrics of metallised yarn of heading 56.05, of a kind used in apparel, as furnishing fabrics or for similar purposes, not elsewhere specified or included.

Nhóm này bao gồm vải dệt thoi (như đã định nghĩa ở Phần (I) (C) của Chú giải tổng quát Phần XI) làm từ các sợi trộn kim loại thuộc nhóm 56.05, và cả vải dệt thoi bằng sợi kim loại thuộc Phần XIV hoặc Phần XV, **với điều kiện** chúng là những loại vải dùng trong may mặc, trang trí nội thất hoặc các mục đích tương tự, chưa được nêu chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, đặc biệt là thuộc các nhóm trước của Chương này.

Các loại vải gồm có sợi kim loại hoặc sợi trộn kim loại cùng các loại sợi dệt khác được phân loại ở đây, **miễn là** sợi kim loại hoặc sợi trộn kim loại vượt quá khối lượng sợi dệt bất kỳ. Theo mục đích này sợi trộn kim loại được xem như một vật liệu dệt và khối lượng của nó bằng toàn bộ khối lượng của sợi dệt và sợi kim loại mà nó chứa (xem Phần (I) (A) của Chú giải tổng quát Phần XI).

Nhóm này **loại trừ** vải dệt thoi không dùng trong may mặc, trang trí hoặc các mục đích tương tự, ví dụ: dải vải sa lượt hoặc quần áo dệt bằng sắt, đồng, thép, nhôm các kim loại quý,... (các **nhóm 71.15, 73.14, 74.19, 76.16...**).

58.10 - Hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu hoa văn (+).

5810.10- Hàng thêu không lộ nền

- Hàng thêu khác:

5810.91 - - Từ bông

5810.92 - - Từ xơ nhân tạo

5810.99 - - Từ vật liệu dệt khác

Hàng thêu được làm bằng các sợi thêu trên nền đã có sẵn làm từ vải tuyn, lưới, lớp nhung, ruy băng, vải móc hoặc đan, đăng ten hoặc vải dệt thoi, hoặc làm từ ni hoặc sợi không dệt, để tạo mẫu trang trí trên nền đó. Chỉ thêu thường là đồ dệt, nhưng nhóm này cũng bao gồm cả các loại vật liệu khác (ví dụ: kim loại, thủy tinh, hoặc sợi cọ). Vải nền thường tạo thành một phần của sản phẩm thêu hoàn thiện nhưng trong một số trường hợp nhất định nó được tách ra (ví dụ, bằng hóa học hoặc bằng việc cắt) sau khi được thêu và chỉ có mẫu thiết kế được giữ lại. Một số sản phẩm thêu nhất định không được làm bằng sợi thêu nhưng bằng các dải hoặc các loại băng viền.

Chính vì vậy việc sản xuất bắt đầu từ một nền vải đã có sẵn khác với sản phẩm thêu từ hàng ren, và hàng ren không được nhầm lẫn với hàng thêu mà vải nền sẽ bị gỡ bỏ sau khi thêu xong. Sản phẩm thêu sẽ không bị lẫn với các loại vải dệt có các mẫu thiết kế được sản xuất bằng sợi trang trí trong suốt quá trình dệt (kiểu dệt lông chim và nổi hoa văn khác). Các đặc điểm để phân biệt sản phẩm thêu với các sản phẩm khác sẽ có trong phần Chú giải chi tiết này.

Hàng thêu có thể làm thủ công bằng tay hoặc bằng máy. Hàng thêu thủ công bằng tay có kích thước nhỏ hơn, hàng thêu làm bằng máy thì thường có độ dài lớn hơn.

Hàng thêu được phân loại vào nhóm này có 3 loại

This heading covers woven fabrics (as defined in Part (I) (C) of the General Explanatory Note to Section XI) of the metallised yarns of heading 56.05, and also woven fabrics of the metal threads of Section XIV or XV, **provided** they are fabrics of a kind used for clothing, furnishing or similar purposes, and are not specified or included elsewhere, in particular in any of the preceding headings of this Chapter.

Fabrics containing metal thread or metallised yarns together with other textile yarns are classified here **provided** the metal thread or metallised yarns exceeds the weight of any other textile. For this purpose the metallised yarn is taken as a single textile material and its weight taken as the aggregate of the weight of the textile fibres and metal it contains (see Part (I) (A) of the General Explanatory Note to Section XI).

The heading **excludes** woven fabrics **not** of a kind used for clothing, furnishing or similar purposes, e.g., wire gauze or woven cloth of iron, steel, copper, aluminium, precious metals, etc. (**headings 71.15, 73.14, 74.19, 76.16, etc.**).

58.10 - Embroidery in the piece, in strips or in motifs (+).

5810.10 - Embroidery without visible ground

- Other embroidery:

5810.91 - - Of cotton

5810.92 - - Of man-made fibres

5810.99 - - Of other textile materials

Embroidery is obtained by working with embroidering threads on a pre-existing ground of tulle, net, velvet, ribbon, knitted or crocheted fabric, lace or woven fabric, or of felt or nonwovens, in order to produce an ornamental effect on that ground. The embroidery threads are usually of textiles, but the heading also includes those executed with other materials (for example, metal, glass or raffia). The ground fabric usually forms part of the completed embroidery, but in certain cases it is removed (e.g., chemically or by cutting) after being embroidered and only the design remains. Certain embroidery is not made with embroidery threads but with strips or braids.

Thus the manufacture starting with a **pre-existing** ground fabric distinguishes embroidery from lace, and lace should not be confused with embroidery from which the ground fabric has been eliminated after execution. Neither should embroidery be confused with woven fabrics bearing designs produced by broché threads during the weaving process (plumetis and other broché work). Features distinguishing embroidery from these other products will be found later in this Explanatory Note.

Embroidery may be hand or machine made. Hand-made embroidery is of comparatively small dimensions. Machine-made embroidery, on the other hand, is very often in long lengths.

The embroidery classified here comprises mainly the

chính:

(I) HÀNG THÊU KHÔNG ĐỂ LỘ NỀN

Đây là loại hàng thêu mà nền vải đã bị loại bỏ (ví dụ bằng một quá trình hóa học, bằng cắt bỏ). Vì thế vật liệu gồm có toàn bộ các mẫu thiết kế đã thêu.

Vì nó không có nền, đồ thêu làm bằng máy thuộc loại này có thể bị nhầm lẫn với hàng ren thuộc nhóm 58.04, tuy nhiên nó có thể được phân biệt bằng cách căn cứ vào các điểm sau:

(A) Trong khi hàng ren được làm bằng một sợi chỉ đơn liên tục hoặc bằng cách lồng 2 hoặc nhiều sợi chỉ nối liền với chức năng giống nhau, và thường thì hàng ren có hai mặt giống nhau, còn hàng thêu máy thuộc loại này gồm có 2 sợi chỉ với các chức năng khác nhau; một là sợi thêu, hai là sợi con thoi nằm dưới tấm vải, loại thứ hai thường mịn hơn loại sợi thứ nhất. Vì thế mặt phải và mặt trái của đồ thêu hoàn toàn khác nhau, mặt phải biểu hiện hình nổi, mặt trái thì hình dẹt.

(B) Các đường viền của hàng thêu cắt thường lộ ra các đầu mút nhỏ của sợi vải nền chưa được loại bỏ hoàn toàn.

(II) HÀNG THÊU CÓ NỀN ĐƯỢC GIỮ LẠI SAU KHI THÊU

Đây là loại sản phẩm thêu mà trong đó sợi thêu thường không bao phủ toàn bộ tấm vải nền, nhưng sợi thêu lộ ra để tạo thành các mẫu trên bề mặt hoặc xung quanh các đường biên của tấm vải nền. Các mũi thêu được sử dụng rất phong phú và bao gồm mũi thêu chạy, mũi khâu chuyên, mũi khâu sau hoặc mũi khâu thắt, mũi khâu chữ chi, mũi khâu hạt, mũi khâu vòng, mũi khâu lỗ. Về nguyên tắc toàn bộ mẫu thiết kế chỉ có thể được thấy trên bề mặt phải của vải. Nhiều sản phẩm thêu khác nhau có các lỗ nhỏ hoặc khoảng trống tạo ra bởi việc cắt, khoan lỗ trên tấm vải nền với một con dao nhỏ hoặc bằng cách rút đi các sợi dọc hay ngang (hoặc cả hai) từ tấm vải nền và sau đó được làm hoàn thiện hoặc làm đẹp các tấm vải bằng các mũi thêu. Điều này làm cho các sản phẩm thêu nhẹ nhàng hơn hoặc thậm chí có thể tạo sức hấp dẫn riêng của hàng thêu; ví dụ kiểu thêu đăng - ten và thêu rút sợi.

Các vật liệu dẹt **chỉ** được gia công bằng quy trình đơn giản là rút bỏ các sợi chỉ **không** nằm trong nhóm này.

Với một số loại hàng thêu nhất định, mẫu thêu như mong muốn đầu tiên được phác họa hoặc nhồi vào một đường chỉ lót để làm cho mẫu nổi hơn.

Một số máy sản xuất hàng thêu khác nhau, đặc biệt là đồ thêu bóng móc và vải mutsolin đã thêu, bề ngoài rất giống các loại vải musolin dùng để trang trí khác và các loại vải trang trí khác (ví dụ vải thêu nổi) được phân loại trong các **Chương từ 50 đến 55**. Tuy nhiên, có thể phân biệt các sản phẩm này qua các đặc điểm sau do phương pháp sản xuất đưa lại. Ở vải trang trí nổi (broché), vì mẫu được sản xuất bằng các sợi trang trí nổi được đưa vào trong suốt quá trình

following three groups:

(I) EMBROIDERY WITHOUT VISIBLE GROUND

This is embroidery in which the ground fabric has been eliminated (e.g., by a chemical process, by cutting out). Thus the material consists entirely of the embroidered designs.

Since it has no background certain machine embroidery of this type might be confused with lace of heading 58.04 but can, however, be distinguished by taking into account the following points:

(A) Whereas lace is made up of a single continuous thread or by the interlacing of two or more continuous threads with the same functions, and generally has the same appearance on both sides, machine embroidery of this kind comprises two threads with different functions; one, the embroidery thread, the other a shuttle thread underneath the fabric, the latter usually finer than the former. Thus the right and wrong sides of the embroidery appear different, the right side showing a certain relief whereas the wrong side is flat.

(B) The edges of cut out embroidery often show small ends of the ground fabric threads which have not been completely eliminated.

(II) EMBROIDERY WITH THE GROUND RETAINED AFTER EMBROIDERING

This is embroidery in which the embroidering thread does not usually cover the whole of the ground fabric, but appears in the form of patterns on the surface or around its edges. The stitches used are varied and include running stitch, chain-stitch, back or lock-stitch, herring-bone stitch, *point de poste*, seed-stitch, loop-stitch, buttonhole stitch. As a rule the entire design can only be seen on the right side of the fabric. Many varieties of embroidery have small holes or openwork produced by cutting, by boring the ground fabric with a stiletto or by withdrawing certain warp or weft threads (or both) from the ground fabric and then finishing or embellishing the fabrics with embroidery stitches. This adds lightness to the embroidery or may even constitute its principal attraction; examples are broderie anglaise and drawn thread work.

Materials which have been submitted **only** to the simple process of withdrawing the threads are **excluded** from this heading.

In certain kinds of embroidery the desired design is first outlined or filled in with a padding thread to give the embroidered design greater relief.

Some varieties of machine-made embroidery, in particular satin stitch embroidery and certain embroidered muslins, appear very similar to broché muslins and other broché fabrics (e.g., plumetis) classified in **Chapters 50 to 55**. They can be distinguished, however, by the following characteristics arising from their method of manufacture. In broché fabrics, since the designs are produced by broché threads introduced during the course of the weaving

dệt, mỗi phần của các mẫu thiết kế luôn luôn nằm giữa sợi ngang hoặc sợi dọc của tấm vải nền; trái lại ở các tấm vải nền thêu, tấm vải nền được dệt trước khi sản xuất các mẫu trên bề mặt. Để có được các mẫu này, tấm vải nền được căng ra trên máy thêu vì vậy độ căng và vị trí của vải không thể ăn khớp hoàn toàn với các mũi kim của máy dệt để lồng toàn bộ các phần tương ứng của đồ thêu một cách chính xác giữa các sợi dọc và sợi ngang giống nhau thuộc vải nền. Hơn nữa, các mũi kim xuyên các sợi của tấm vải nền thì không xảy ra đối với các tấm vải trang trí nổi (broché).

Các đặc điểm phân biệt vải trang trí nổi và vải thêu này có thể được thấy bằng việc tước các đường biên của mẫu.

(III) THÊU ĐÍNH

Sản phẩm thêu đính gồm có một tấm nền làm từ vải dệt hoặc phốt mà trên tấm nền này được may bằng các mũi thêu hoặc các mũi khâu thông thường:

(A) Các hạt trang trí, các đồng xê-quin hoặc các đồ trang trí tương tự; các đồ trang trí này thường được làm bằng thủy tinh, gelatin, kim loại hoặc gỗ và chúng được khâu để tạo ra một mẫu trang trí hoặc một mẫu rải trên tấm vải nền.

(B) Những hoa văn trang trí từ vật liệu dệt hoặc các vật liệu khác. Những hoa văn này thường là một tấm vải dệt (kể cả dăng ten), làm bằng kiểu dệt khác với kiểu dệt của tấm vải nền và các hoa văn trang trí được cắt theo nhiều kiểu khác nhau và chúng được đính vào tấm vải nền; trong một số trường hợp nhất định, tấm vải nền bị gỡ ra ở vị trí đã được đính mẫu hoa văn.

(C) Sợi trang trí, sợi viền hoặc các loại trang trí khác vv... tạo mẫu trên tấm vải nền.

Tất cả các loại hàng thêu khác nhau đã mô tả ở trên vẫn được phân loại trong nhóm này khi ở các dạng sau:

(1) **Dạng chiếc hay dạng dải với độ rộng khác nhau.** Dạng chiếc hay dạng dải này có một loạt các mẫu thêu giống nhau, bất kể có hay không có ý định cho việc tách rời sau đó để tạo ra các sản phẩm hoàn thiện (ví dụ, các dải nhãn thêu để làm nhãn các loại quần áo, hoặc các mảnh đã thêu tại những khoảng cách bình thường đã tính phải cắt và tạo thành các dải yếm).

(2) **Ở dạng có mẫu trang trí hoa văn,** ví dụ, các sản phẩm mẫu đã thêu riêng biệt không có chức năng nào khác ngoài chức năng được kết hợp hoặc được khâu đính như là những chi tiết của đồ thêu như cho quần áo lót hoặc các loại quần áo hoặc đồ trang trí nội thất. Những hoa văn trang trí này có thể được cắt thành hình bất kỳ, được bồi hoặc được lắp ghép lại. Chúng bao gồm các phù hiệu, hình vẽ tượng trưng, miếng nhận diện, tên họ viết tắt, các con số, hình ngôi sao, huy hiệu quốc gia hoặc huy hiệu thể thao vv...

Nhóm này **không bao gồm:**

process, each item of a row of design is always between exactly the same weft threads or exactly the same warp threads of the ground fabric; in embroidered fabrics, on the contrary, the ground fabric is woven before the designs are produced on the surface. In order to obtain these designs, the ground fabric is stretched on an embroidery machine, so the tension and position of the fabric cannot be sufficiently perfect for the needles of the machine to insert all the corresponding parts of the embroidery exactly between the same weft or warp threads of the ground fabric. Moreover, the needles often pierce the threads of the ground fabric, which cannot happen in broché fabrics.

These distinguishing features of broché fabrics and embroidered fabrics can be seen on fraying up the edges of the design.

(III) APPLIQUE WORK

This consists of a ground of textile fabric or felt on which are sewn, by embroidery or ordinary stitches:

(A) Beads, sequins or similar ornamental accessories; these accessories are generally made of glass, gelatin, metal or wood, and are sewn so as to produce a pattern or a scattered design on the ground fabric.

(B) Ornamental motifs of textile or other materials. These motifs are usually a textile fabric (including lace), of a texture different from that of the ground fabric and cut in various patterns which are sewn to the ground fabric; in certain cases, the ground fabric is removed at the places covered by the applied motif.

(C) Braid, chenille yarn or other trimmings, etc., in the form of a design on the ground fabric.

All varieties of embroidery described remain within this heading when in the following forms:

(1) **In the piece or in strips of various widths.** These pieces or strips may bear a series of identical designs, whether or not intended for subsequent separation to be made up into finished articles (e.g., strips of embroidered labels for marking articles of apparel, or pieces embroidered at regular intervals intended to be cut up and made up into bibs).

(2) **In the form of motifs,** i.e., individual pieces of embroidered design serving no other function than to be incorporated or appliquéd as elements of embroidery in, for example, underwear or articles of apparel or furnishings. They may be cut to any shape, backed or otherwise assembled. They include badges, emblems, "flashes", initials, numbers, stars, national or sporting insignia, etc.

The heading **does not cover:**

trắng hoặc phủ.

Các nguyên liệu này thường được sử dụng để sản xuất hàng may mặc đã chần, khăn trải giường hoặc bộ đồ dùng cho giường, khăn trải nệm, quần áo, màn, thảm, khăn trải để cố định mép bàn,...

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Các tấm nhựa đã chần, bằng cách khâu hoặc được gắn bằng nhiệt, với lõi đã lót đệm (**Chương 39**).
- (b) Các sản phẩm khâu hoặc các sản phẩm dệt chần trong đó các mũi khâu tạo thành mẫu có đặc điểm của hàng thêu (**nhóm 58.10**).
- (c) Các sản phẩm **hoàn thiện** thuộc Phần này (xem Chú giải 7 của Phần).
- (d) Các loại bộ đồ dùng cho giường hoặc đồ trang trí nội thất tương tự thuộc **Chương 94** đã được lót đệm hoặc được lắp đặt.

Chương 59

Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép lớp; các mặt hàng dệt thích hợp dùng trong công nghiệp

Chú giải.

1. Trừ khi có yêu cầu khác, theo mục đích của Chương này khái niệm "vải dệt" chỉ áp dụng đối với vải dệt thoi thuộc các Chương từ 50 đến 55 và các nhóm 58.03 và 58.06, dải bện và dải, mảnh trang trí dạng chiếc thuộc nhóm 58.08 và vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 60.02 đến 60.06.
2. Nhóm 59.03 áp dụng đối với:
 - (a) Các loại vải dệt, đã ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép với plastic, bất kể khối lượng tính trên 1m² và bất kể tính chất của vật liệu plastic (đặc hoặc xốp), trừ:
 - (1) Vải trong đó chất ngâm tẩm, trắng hoặc phủ không thể nhìn được bằng mắt thường (thường ở các Chương từ 50 đến 55, 58 hoặc 60); theo mục đích của phần này, không cần quan tâm đến sự thay đổi về màu sắc;
 - (2) Các sản phẩm không thể được quấn bằng tay quanh một trục tròn có đường kính 7mm, ở nhiệt độ từ 15°C đến 30°C mà không bị nứt vỡ (thường thuộc Chương 39);
 - (3) Các sản phẩm trong đó vải dệt hoặc được bọc hoàn toàn bằng plastic hoặc được trắng hoặc phủ cả hai mặt bằng vật liệu đó, miễn là việc trắng hoặc phủ có thể nhìn được bằng mắt thường mà không cần quan tâm đến sự thay đổi về màu sắc (Chương 39);
 - (4) Vải được trắng hoặc phủ từng phần bằng plastic và có họa tiết do việc xử lý đó tạo nên (thường gặp ở các Chương từ 50 đến 55, 58 hoặc 60);
 - (5) Tấm, lá hoặc dải bằng plastic xốp, kết hợp với vải dệt, mà trong đó vải dệt chỉ đơn thuần nhằm mục đích gia cố (Chương 39); hoặc

These materials are commonly used in the manufacture of quilted garments, bedding or bedspreads, mattress pads, clothing, curtains, place-mats, underpads (silencers) for table linen, etc.

The heading **does not cover**:

- (a) Plastic sheets quilted, whether by stitching or heat sealing, to a padded core (**Chapter 39**).
- (b) Stitches or quilted textile products in which the stitches constitute designs giving them the character of embroidery (**heading 58.10**).
- (c) Made up goods of this Section (see Section Note 7).
- (d) Articles of bedding or similar furnishing of **Chapter 94**, padded or internally fitted.

Chapter 59

Impregnated, coated, covered or laminated textile fabrics; textile articles of a kind suitable for industrial use

Notes.

- 1.- Except where the context otherwise requires, for the purposes of this Chapter the expression "textile fabrics" applies only to the woven fabrics of Chapters 50 to 55 and headings 58.03 and 58.06, the braids and ornamental trimmings in the piece of heading 58.08 and the knitted or crocheted fabrics of headings 60.02 to 60.06.
- 2.- Heading 59.03 applies to:
 - (a) Textile fabrics, impregnated, coated, covered or laminated with plastics, whatever the weight per square metre and whatever the nature of the plastic material (compact or cellular), other than :
 - (1) Fabrics in which the impregnation, coating or covering cannot be seen with the naked eye (usually Chapters 50 to 55, 58 or 60); for the purpose of this provision, no account should be taken of any resulting change of colour;
 - (2) Products which cannot, without fracturing, be bent manually around a cylinder of a diameter of 7 mm, at a temperature between 15 °C and 30 °C (usually Chapter 39);
 - (3) Products in which the textile fabric is either completely embedded in plastics or entirely coated or covered on both sides with such material, provided that such coating or covering can be seen with the naked eye with no account being taken of any resulting change of colour (Chapter 39);
 - (4) Fabrics partially coated or partially covered with plastics and bearing designs resulting from these treatments (usually Chapters 50 to 55, 58 or 60);
 - (5) Plates, sheets or strip of cellular plastics, combined with textile fabric, where the textile fabric is present merely for reinforcing purposes (Chapter 39); or